



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Trụ sở chính: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu
Giấy CNĐKDN số: 3500101812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp
ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: 44 /TB-DL

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO

MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau:

- 1. Thời gian Tổ chức đại hội: 08 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 06 năm 2021 (thứ năm)**
- 2. Địa điểm: Hội trường Khách sạn Sammy (Đ/c: 157, Thùy Vân, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu)**
- 3. Nội dung đại hội:** Tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2021 được Công ty đăng tải tại website: www.vungtautourist.com.vn chậm nhất kể từ ngày 27/05/2021 và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Đăng ký dự họp:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp đảm bảo an toàn cho đại biểu, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng đăng ký tham dự Đại hội tại Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc gửi *Giấy đăng ký dự họp* về địa chỉ dưới đây trước **16 giờ 00 phút, ngày 16/06/2021**.

5. Ủy quyền tham dự đại hội:

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền tham dự Đại hội* hoặc *Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước **16 giờ 00 phút, ngày 16/06/2021** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu
- Tel: (0254) 385 6445 – Fax: (0254) 385 6444

Liên hệ: Bà Đỗ Thị Vân Khánh – Trưởng phòng Hành chính nhân sự, SĐT: 0909.045.546

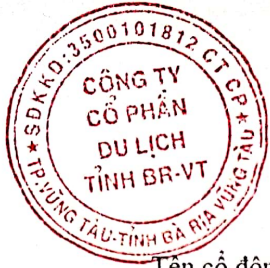
7. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có).
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.
Trân trọng !



Thái Hoàng Thân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên cổ đông:.....
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKKD số:..... cấp ngày .../.../..... tại.....
Địa chỉ:Điện thoại:.....
Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:cổ phần.
(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP
2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY

Ông/Bà:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKKD số:.....cấp ngày .../.../..... tại.....
Địa chỉ:Điện thoại:.....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
1	Thái Hoàng Thân	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT		
3	Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

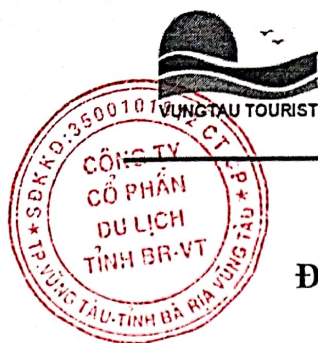
Lưu ý:

Việc thực hiện ủy quyền phải tuân thủ theo các quy định liên quan của luật dân sự, điều lệ công ty. Người nhận ủy quyền phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu và giấy ủy quyền khi tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông là tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết thúc.

Cổ đông/Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ngày ____ tháng ____ năm 2021
Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RIJA - VŨNG TÀU

Trụ sở chính: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 (Bắt đầu lúc 08 giờ 30 phút, thứ năm ngày 17 tháng 6 năm 2021)

Thời gian	Nội dung
8:30 – 9:00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: <ul style="list-style-type: none">• Đón tiếp đại biểu và cổ đông;• Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội.
9:00 – 9:30	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;• Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;• Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định Ban thư ký;• Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết;• Thông qua Quy chế làm việc;• Thông qua chương trình Đại hội.
9:30 – 10:00	HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; Kế hoạch hoạt động năm 2021;• Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020; Kế hoạch hoạt động năm 2021;• Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020; Kế hoạch hoạt động năm 2021;• Báo cáo về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất hiện đang quản lý, sử dụng.
10:00 – 10:30	Các tờ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Sửa đổi Điều lệ Công ty;• Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;• Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;• Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;• Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã qua kiểm toán;• Phân phối lợi nhuận năm 2020;• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;• Bầu bổ sung thành viên HĐQT;• Lựa chọn công ty kiểm toán;• Thực hiện sắp xếp cơ sở nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017;• Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021;• Các vấn đề khác (nếu có).
10:30 – 11:00	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết, bầu cử từng vấn đề.
11:00 – 11:20	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết.
11:20 – 11:40	Ban Kiểm Phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết; Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:40 – 11:45	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.

Số: /BC-ĐDV

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021

Phần A: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020

I. Tình hình chung

Năm 2020, dịch bệnh Covid 19 bùng phát và lan rộng ra khắp toàn cầu, tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên toàn thế giới và Việt Nam đã bị ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh tế giảm sút nghiêm trọng, đời sống xã hội gặp nhiều khó khăn, trong đó ngành du lịch chịu ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề nhất do cách ly xã hội, hạn chế tiếp xúc, kể từ tháng 2, tháng 3 Việt Nam tạm dừng đón khách Quốc tế, ngừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài,... Theo thống kê của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch lượng khách quốc tế năm 2020 giảm khoảng 80%, khách du lịch trong nước cũng giảm khoảng 50% so với năm 2019, khoảng 40-60% lao động ngành du lịch bị mất việc làm hoặc cắt giảm ngày công, khoảng 95% doanh nghiệp lữ hành Quốc tế ngừng hoạt động, nhiều khách sạn phải đóng cửa, cho đến cuối năm 2020 trên toàn thế giới vẫn chưa hạn chế được tình hình diễn biến của dịch bệnh.

Tình hình thiên tai, bão lũ ngày càng nặng nề, nhất là nạn hạn hán ở Đồng bằng Sông Cửu Long, khu vực miền Trung còn hứng chịu trận lũ lịch sử và hậu quả nặng nề từ 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, dịch bệnh gia súc gia cầm, giá cả tăng cao làm cho đời sống kinh tế xã hội đã khó khăn càng khó khăn hơn. Ngành du lịch Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng vì thế phải đối mặt với những khó khăn chưa từng có.

Tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, tại Vũng Tàu nhiều đơn vị du lịch, khách sạn, homestay... mới đi vào hoạt động trong khi lượng khách ngày càng giảm, giá phòng cạnh tranh nên cũng phải giảm theo, năm 2020 do dịch bệnh giá bán phòng càng giảm nghiêm trọng hơn để thu hút khách đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Thanh tra Tỉnh truy thu tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 và tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật theo Kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018 đối với cơ sở nhà đất tại Khu vực biển bãi sau đường Thùy Vân hơn 130 tỷ đồng (bao gồm cả Công ty CP DL Nghinh Phong); giá thuê đất tăng đột biến (tại Khu du lịch Biển Đông năm 2018 là 15 tỷ đồng, năm 2019 là 21 tỷ đồng, năm 2020 là 26 tỷ đồng, Công ty cổ phần du lịch Nghinh Phong năm 2018 là 9 tỷ đồng, 2019 là 12 tỷ, năm 2020 là 15 tỷ đồng,) là một bất lợi lớn đối với Công ty.

Một số tài sản đất đai đang bị tranh chấp, khiếu kiện hoặc nằm trong diện quy hoạch không thể đầu tư kinh doanh; Công nợ phải thu khó đòi trước đây còn tồn đọng lớn, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

Cơ sở hạ tầng qua thời gian dài hoạt động đã xuống cấp, việc đầu tư cơ sở hạ tầng hàng năm tiến hành nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách.

II. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020:

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty mẹ và 2 công ty con:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			
				Kế hoạch	Thực hiện	So sánh	
						TH/KH (%)	TH/Cùng kỳ(%)
1	Lượt khách	lượt	1.024.204	1.026.785	516.295	50,3	50,4
2	Doanh thu	Tr.đồng	137.868	153.170	80.657	52,7	58,5
3	Lợi nhuận trước thuế	"	7.688	10.500	(16.600)		
4	Thuế TNDN hiện hành		4.219	2.100	165		
5	Lợi nhuận sau thuế		3.469	8.400	(16.765)		

Trong đó:

1.1. Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ:

2.

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			
				Kế hoạch	Thực hiện	So sánh	
						TH/KH (%)	TH/Cùng kỳ(%)
I	CTY CP DU LỊCH TỈNH BR-VT (Công ty mẹ)						
	Lượt khách	lượt	693.204	716.785	286.295	39,9	41,3
	Doanh thu	Tr.đồng	110.241	123.170	62.193	50,5	56,4
	Lợi nhuận trước thuế	"	8.150	7.620	(17.443)		
1	KHU DU LỊCH BIỂN ĐÔNG						
	Lượt khách		630.500	650.000	250.000	38,5	39,7
	Công suất sử dụng phòng	%	39,90	40,00	28,57	71,4	71,6
	Doanh thu	Tr.đồng	54.805	60.000	25.252	42,1	46,1
	Tổng chi phí	Tr.đồng	58.438	55.500	32.326	58,2	55,3

	Lợi nhuận trước thuế	"	(3.633)	4.500	(7.074)		
2	KHÁCH SẠN SAMMY						
	Lượt khách		24.766	31.200	14.800	47,4	59,8
	Công suất sử dụng phòng	%	33,82	48,00	20,50	42,7	60,6
	Doanh thu	Tr.đồng	23.657	32.000	12.296	38,4	52,0
	Tổng chi phí	Tr.đồng	25.556	29.500	17.267	58,5	67,6
	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(1.886)	2.500	(4.971)		
3	KHÁCH SẠN THÙY VÂN						
	Lượt khách		21.489	25.085	15.761	63	73
	Công suất sử dụng phòng	%	51,53	50,00	42,21	84,4	81,9
	Doanh thu	triệu đ	11.651	13.400	7.294	54,4	62,6
	Chi phí	triệu đ	12.286	13.000	8.445	65,0	68,7
	Lợi nhuận	"	(635)	400	(1.151)		
4	CHI NHÁNH ĐÀ ĐĂNG						
	Lượt khách	Lượt	16.449	10.500	5.734	55	0
	Doanh thu	Tr đồng	4.200	3.800	1.508	39,7	35,9
	Tổng Chi phí	"	4.150	3.730	1.993	53,4	48,0
	Lợi nhuận trước thuế	"	50	70	(485)		
5	VĂN PHÒNG CÔNG TY						
	Doanh thu	"	31.690	13.970	15.843	113	50,0
	Chi phí	"	22.858	13.820	19.604	142	85,8
	Lợi nhuận trước thuế	"	8.832	150	(3.762)		

Trong báo cáo năm 2020, chưa hạch toán đầy đủ tiền thuê đất theo Thông báo của Chi cục thuế TP. Vũng Tàu và chưa ghi nhận các khoản truy thu tiền thuê đất, tiền cơ sở hạ tầng theo kết luận thanh tra 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 của Thanh tra tỉnh BRVT đối với lô đất số 08 Thùy Vân – Khu du lịch Biển Đông và Công ty cổ phần du lịch Nghinh Phong.

Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020:

Kết quả kinh doanh năm 2020 toàn công ty không đạt kế hoạch đề ra, tổng doanh thu hợp nhất đạt 80.657 triệu đồng, đạt 58,5% so với năm 2019, và chỉ đạt 52,7% so với kế hoạch. Lợi nhuận hợp nhất: lỗ 16.765 triệu đồng. Trong đó:

Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ: Doanh thu chỉ đạt 50,3% kế hoạch, lỗ trước thuế 17.443 triệu đồng, trong đó lỗ do hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc là: 13.681 triệu đồng, trong đó:

KDL Biển Đông: Doanh thu năm 2020 là 25.252 triệu đồng đạt 42,1% kế hoạch và 46% với cùng kỳ 2019, lỗ: 7.074 triệu đồng.

Khách sạn Vũng tàu Sammy: doanh thu năm 2020 là 12.296 triệu đồng, đạt 38,4% kế hoạch và 52% so với cùng kỳ năm 2019. Lỗ 4.971 triệu đồng.

KS thùy Vân: doanh thu năm 2020 là 7.294 triệu đồng, đạt 54,4% kế hoạch và 62,6% so với cùng kỳ, lỗ 1.151 triệu đồng.

Chi nhánh Đà Nẵng: doanh thu năm 2020 là 1.508 triệu đồng, đạt 39,7% kế hoạch và 35,9% so với cùng kỳ năm 2019, lỗ 485 triệu đồng.

Tại Văn Phòng Công ty nguồn thu chủ yếu từ cho thuê mặt bằng, cổ tức, lãi tiền gửi, thu chuyển nhượng vốn góp,... trong năm các đơn vị liên kết do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 nên đều không chia cổ tức, chỉ có duy nhất Công ty CPDL Thùy Vân chia cổ tức quý 1 và 2/2020 số tiền là: 141 triệu đồng, trong khi đó các khoản chi phí rất lớn như tiền thuê đất 6.245 triệu đồng, chi phí khấu hao 610 triệu đồng, tiền lương ăn trưa nhân viên 3.924 triệu đồng, riêng chi phí dự phòng tài chính trích bổ sung trong năm là 5.155 triệu đồng, nguồn thu không đủ chi do đó Văn phòng có kết quả âm: 3.762 triệu đồng.

Nguyên nhân chính Công ty không đạt kế hoạch do kế hoạch xây dựng cho năm 2020 trên cơ sở tình hình kinh tế xã hội ở điều kiện bình thường, chưa có dịch bệnh Covid 19. Vì vậy, khi dịch bệnh xảy ra là một yếu tố khách quan đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh và bị lỗ rất nặng nề, cụ thể những ảnh hưởng tại các đơn vị trực thuộc KDL Biển Đông, Khách sạn Vũng Tàu Sammy, Khách sạn Thùy Vân, Chi nhánh Đà Nẵng:

+ Trong năm 2020, dịch bệnh Covid 19 đã ảnh hưởng đến tất cả các mặt hoạt động kinh doanh, từ cuối tháng 3, hoạt động du lịch quốc tế tại Việt Nam bị ngưng trệ, du lịch nội địa cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các đơn vị trực thuộc gặp rất nhiều khó khăn khi lượt khách giảm sút, đặc biệt là giảm số lượng lớn tất cả các khách nước ngoài do cách ly xã hội, tạm ngưng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài vào Việt Nam. Tháng 4 không có doanh thu do phải đóng cửa tạm ngưng hoạt động kinh doanh theo các chỉ thị của Chính phủ và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tại Khu Du lịch Biển Đông đến ngày 7/5/2020 mới được mở cửa cho khách sử dụng dịch vụ Biển nên tháng 4 và dịp lễ 30/4, 1/5 là một thất thu lớn, cuối tháng 7 và tháng 8 ảnh hưởng của dịch bệnh đợt 2, nên các đoàn khách và khách lẻ hủy đặt phòng, hủy đặt ăn đồng loạt, doanh thu tất cả các lĩnh vực đều giảm sâu. Bên cạnh nguyên nhân khách quan do dịch bệnh còn có nguyên nhân chủ quan trong công tác điều hành chưa linh hoạt, ứng phó chưa tốt cũng như chưa có biện pháp quản lý thích hợp.

+ Cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Công ty có thời gian sử dụng trên dưới 20 năm nên xuống cấp, trang thiết bị cho phòng lưu trú đã cũ chưa được đồng bộ, không gian nhà hàng, phòng họp không đáp ứng được yêu cầu về tiệc cưới, hội nghị, tiệc gala,... nhất là khách sạn Thùy Vân đã xuống cấp, trong khi công tác đầu tư nâng cấp gặp nhiều khó khăn do chưa thống nhất được phương án với Chủ sở hữu. Vì vậy, các đơn vị thường bị động trong việc bán phòng trọn gói, khách chỉ sử dụng phòng nghỉ mà không sử dụng các dịch vụ kèm theo.

+ Trong tình hình doanh thu giảm nghiêm trọng, các đơn vị đã cố gắng tiết giảm chi phí tối đa có thể trong đó đã giảm nhân sự và cắt giảm chi phí lương đối với người lao động từ tháng 3, tháng 4/2020 bằng cách đàm phán giảm ngày công, cắt giảm tất cả các khoản trợ cấp,... nhưng một số chi phí hoạt động không thể giảm tương đồng với mức giảm của doanh thu như chi phí thuê đất, khấu hao, chi phí phân bổ, chi phí lương, điện nước, BHXH,....

+ Đối với hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Số TT	Tên đơn vị	Vốn góp	Tỷ lệ
A	Đầu tư vào Công ty con	47.664.335.615	
1	Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân, 2006	9.868.495.615	50,07%
2	Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong, 2013	37.795.840.000	96,18%
B	Đầu tư liên doanh, liên kết và góp vốn khác	73.528.447.349	
1	Công ty TNHH Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu, 2001	2.452.372.777	7,12%
2	Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông, 2006	9.360.832.918	27,96%
3	Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm, 2009	1.190.000.000	35,00%
4	Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu, 1999	28.602.790.000	4,05%
5	Công ty cổ phần Lạc Việt, 2003	13.000.000.000	5,61%
6	Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm, 2003	2.784.000.000	10,00%
7	Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải, 2005	3.468.701.654	5,78%
8	Công ty cổ phần San hô xanh Côn Đảo, 2004	800.000.000	2,67%
9	Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn, 2004	9.390.560.000	7,63%
10	Công ty cổ phần Du lịch An Hoa, 2009	500.000.000	1,00%
11	Công ty TNHH TM-DV Kỹ thuật điện Thành Công, 2007	800.000.000	20,00%
12	Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh, 2016	10.000.000	0,50%
13	Công ty TNHH Dịch vụ Thể thao và Thi đấu Giải trí (SES)	1.169.190.000	2%
	TỔNG CỘNG	121.192.782.964	

Trong năm 2020, Công ty đã thoái vốn thành công phần vốn góp tại Công ty TNHH Du Lịch Nam Biển Đông giá trị vốn góp: 3.572 triệu đồng, giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng số 02/HĐMBTSDG-CPDL ngày 19/03/2020 là: 7.657 triệu đồng.

Đến 31/12/2020, Công ty còn 15 khoản vốn góp ra ngoài doanh nghiệp, trong đó có 2 Công ty con và 13 khoản liên doanh liên kết với các đơn vị khác, tổng giá trị vốn đầu tư là: 121.192.782.964 đồng.

Các khoản vốn góp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đa phần hoạt động trong lĩnh vực du lịch, giải trí. Năm 2020 các đơn vị đều bị dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, do đó các đơn vị như Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Bình Châu, Công ty CP TMDL

Vũng Tàu – Sài Gòn các năm trước đây hàng năm đều chia cổ tức nhưng năm 2020 không chia, trong năm chỉ có Công ty CP DL Thùy Vân chia cổ tức quý 1 và 2/2020: 141 triệu đồng, một số đơn vị thua lỗ nặng Công ty đã phải trích lập dự phòng bổ sung cho Công ty CPDL Lạc Việt, Công ty CP KS Biển Đông, Công ty CPDL Nghinh Phong,... số trích lập dự phòng bổ sung trong năm 2020 là 5.115 triệu đồng vào chi phí.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Lạc Việt và Công ty Du Lịch An Hoa.

Các dự án còn lại một số đang trong giai đoạn đầu tư dang dở, một số có chủ trương thu hồi đất, thu hồi dự án, thi hành án, tranh chấp kiện tụng, hoạt động không hiệu quả, lỗ lũy kế lớn, cụ thể:

+ Công ty TNHH Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu (Medicoast) hoạt động không hiệu quả, vay nợ ngân hàng không có khả năng thanh toán do đó bị thi hành án và Chi cục thi hành án Dân sự TP. Vũng Tàu đã bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của Cty Medicoast tại 165 Thùy Vân để trả nợ vay cho ngân hàng trong năm 2015, hiện nay Công ty Medicoast đang trong bối cảnh kiện tụng để được hưởng số tiền đặt cọc 16,7 tỷ từ quá trình đấu giá không thành và khiếu nại hành vi của Chi cục trưởng, Chấp hành viên chi cục thi hành án, bán đấu giá tài sản Công ty Medicoast gây thất thoát vốn góp và tài sản Nhà nước.

Vốn đầu tư tại Công ty Medicoast rủi ro rất cao, có khả năng không thể thu hồi, do đó Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này là: 2.452.372.777 đồng từ năm 2018.

+ Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm: ngày 02/8/2016, UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định 6023/UBND-VP về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương đầu tư dự án.

+ Công ty CP DL Minh Đạm: UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định 4217/UBND-VP ngày 24/6/2013 về việc thu hồi chủ trương đầu tư dự án và Quyết định 1114/UBND ngày 02/6/2014 về việc thu hồi đất.

+ Công ty TNHH TM-DV Kỹ thuật điện Thành Công hiện nay không còn hoạt động, Công ty đã khởi kiện ra tòa nhưng chưa thụ lý, trong năm tới Công ty sẽ tiếp tục khởi kiện ra tòa.

Đối với các khoản đầu tư không hiệu quả, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng đầu tư tài chính khá lớn làm ảnh hưởng nặng nề và trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tổng số tiền đã trích lập dự phòng đến 31/12/2020 là: 18.888 triệu đồng.

1.2. Kết quả kinh doanh của các công ty con:

a. Công ty cổ phần du lịch Nghinh Phong (KDL Gió Biển):

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh	
					TH/KH (%)	Cùng kỳ (%)
1	Doanh thu	28.599	30.000	18.824	62,8	65,8
2	Lợi nhuận trước thuế	3.012	3.000	(719)		

Năm 2020, doanh thu đạt 62,8% kế hoạch và lỗ 719 triệu đồng. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nhưng tập thể Ban lãnh đạo và CBNV Công ty CPDL Nghinh Phong đã nỗ lực cố gắng trong công tác phòng chống dịch bệnh, thu hút khách hàng do đó đã hạn chế được phần nào ảnh hưởng của dịch bệnh, mức lỗ ở mức thấp nhất so với các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

Đến nay, Công ty CP Du lịch Nghinh Phong cũng đang vướng mắc về vấn đề tiền thuê đất (khu vực bãi tắm Thùy Vân) như KDL Biển Đông, Công ty CPDL Nghinh Phong đã kết hợp với Công ty mẹ gửi văn bản kiến nghị Ủy Ban Nhân Dân tỉnh và các Sở ban ngành đề nghị xem xét tính lại tiền thuê đất phù hợp.

b. Công ty cổ phần du lịch Thùy Vân:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh	
					Kế hoạch (%)	Cùng kỳ (%)
	Doanh thu	2.695	2.750	2.246	81,7	83,3
	Lợi nhuận trước thuế	1.536	1.580	1.179	74,6	76,8

Hoạt động chính của Công ty CP du lịch Thùy Vân là cho thuê cơ sở vật chất, Doanh thu của Công ty là tiền thuê từ cho thuê Khách sạn Thùy Vân. Năm 2020 mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nhưng Công ty chỉ giảm 2 tháng tiền cho thuê do đó doanh thu đạt 81,7% kế hoạch và có lãi trước thuế đạt 1.179 triệu đồng đạt 74,6% kế hoạch.

Lợi nhuận hàng năm sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, còn lại được chia theo tỷ lệ vốn góp. Công ty CP du lịch Thùy Vân là đơn vị có vốn góp của Công ty hoạt động ổn định, có lãi. Năm 2020 Công ty CPDL Thùy Vân đã chia cổ tức cho Công ty quý 4/2019: 133 triệu đồng, Quý 1,2/2020 là 141 triệu đồng.

Phần B: Phương hướng hoạt động kinh doanh và kế hoạch năm 2021

I. Nhận định tình hình:

- Ngành du lịch vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức do tình hình dịch bệnh Covid 19 trên thế giới và trong nước vẫn còn diễn biến phức tạp, vẫn còn cách ly xã hội giữa các nước, cách ly tại các tỉnh thành, các vùng có dịch bệnh trong nước, Việt Nam vẫn tạm ngừng nhập cảnh đối với người nước ngoài, tình hình kinh tế khó khăn chung, thu nhập của người dân bị giảm sút do đó lượng khách tới tham quan du lịch vẫn còn rất ít so với trước đây.

- Công ty phải cạnh tranh ngày càng gay gắt với các Khách sạn, homestay, nhà hàng,... mới ra đời tại Vũng Tàu, các huyện trong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh thành sẽ làm chia sẻ thị phần trong khi lượng khách ngày càng sụt giảm, cơ sở hạ tầng tại các đơn vị trực thuộc

đã xuống cấp, phần lớn sản phẩm dịch vụ của đơn vị còn hạn chế, chỉ phát huy về mặt cải tiến chất lượng phục vụ, chưa có sản phẩm mới để thu hút du khách. Do đó, để tăng trưởng doanh thu là rất khó khăn trong điều kiện hiện nay.

- Tiền thuê đất tăng quá cao, cộng với việc truy thu tiền thuê đất của cơ quan thuế là một áp lực lớn. Vấn đề này công ty đã có nhiều văn bản kiến nghị với các cơ quan ban ngành có liên quan nhưng chưa được xem xét giải quyết. Công ty vẫn đang tiếp tục kiến nghị các Sở ban ngành để được tính lại tiền thuê đất với mức phù hợp để Công ty có thể thực hiện được.

- UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang thực hiện việc sắp xếp, xử lý nhà đất đối với Công ty theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính Phủ. Sở Tài chính gửi công văn số 3831/STC-QLGCS&TCĐN ngày 24/09/2020 đề nghị Công ty rà soát các cơ sở nhà đất, báo cáo cụ thể tình hình sử dụng và lên phương án đầu tư, khai thác đối với từng cơ sở nhà, đất đúng mục đích sử dụng, chứng minh khả năng tài chính để Sở Báo cáo UBND tỉnh.

Công ty đã báo cáo Sở tài chính về hiện trạng nhà, đất, đề xuất phương án đầu tư, chứng minh khả năng tài chính theo công văn số 99/BC-DL ngày 01/10/2020.

Sở Tài chính đã trình Chủ tịch UBND xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất Công ty cổ phần du lịch tỉnh hiện đang quản lý, sử dụng theo công văn số 896/STC-QLGCS&TCĐN ngày 17/3/2021. Đồng thời Sở Tài chính cũng đã trình Thường trực UBND tỉnh xem xét về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất Công ty cổ phần Du lịch tỉnh hiện đang quản lý, sử dụng (đợt 2) theo công văn số 1290/STC-QLGCS&TCĐN ngày 12/4/2021. Cụ thể:

- + Công ty được tạm giữ lại 01 cơ sở nhà, đất tại số 08 Thùy Vân, TP. Vũng tàu.
- + Được giữ lại tiếp tục sử dụng 03 cơ sở nhà, đất tại: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu; 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu; 127 Hoàng Hoa Thám, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu.
- + Chưa thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với 02 cơ sở nhà, đất tại: 01 Hạ Long, phường 2, TP Vũng Tàu và 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu.
- + Thu hồi đối với 12 cơ sở nhà, đất còn lại.

Phương án Sở Tài chính đang trình UBND tỉnh sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất Công ty đang quản lý như trên là một tổn thất rất nghiêm trọng đến tài sản của Công ty.

II. Kế hoạch năm 2021:

Cuối năm 2020, khi tình hình dịch bệnh Covid 19 ở Việt Nam đã tạm lắng, Công ty đã họp và dự thảo kế hoạch năm 2021 với:

- Tổng doanh thu: 108.550 triệu đồng
- Lợi nhuận: 1.605 triệu đồng.

Tuy nhiên, đến đầu năm 2021 vào dịp giáp tết âm lịch dịch bệnh Covid – 19 lại bùng phát đợt 3 ở Hải Dương và lan ra một số tỉnh thành trong nước như Quảng Ninh, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Gia lai, Bình Dương,...một lần nữa các đoàn khách đồng loạt hủy phòng, hủy đặt ăn,

... doanh thu lại tồn thất rất nặng nề, qua tình hình thực hiện Quý 1/2021 so với dự thảo kế hoạch thì doanh thu chỉ đạt 14,6% kế hoạch, không đủ gánh các chi phí thuê đất, khấu hao, tiền lương, điện nước,... các đơn vị đều bị lỗ, hợp nhất toàn Công ty quý I/2021 doanh thu chỉ đạt 15.972 triệu đồng, lỗ 3.837 triệu đồng. Do đó, căn cứ vào tình hình thực hiện Quý 1/2021 và tình hình hiện nay, Công ty đã dự kiến lại kế hoạch cho năm 2021 theo bảng sau:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020				Kế hoạch năm 2021 đã xây dựng T12/2020	Quý 1/2021		Dự kiến lại kế hoạch năm 2021	So sánh KH2021/TH 2020
				Kế hoạch	Thực hiện	So sánh			Thực hiện quý 1/2021	SS với KH 2021 XD T12/2020 (%)		
						TH/KH (%)	TH/Cù ng kỳ (%)					
KẾT QUẢ TỔNG HỢP TOÀN CTY												
1	Lượt khách	lượt	1.024.204	1.026.785	516.295	50,3	50,4	759.150	89.028	0,15	701.580	135,9
2	Doanh thu	Tr.đồng	137.868	153.170	80.657	52,7	58,5	108.550	15.972	0,15	98.000	121,5
3	Lợi nhuận trước thuế	"	7.688	10.500	(16.600)			1.605	(3.837)		700	
4	Thuê TNDN		4.219	2.100	165			321			140	
5	Lợi nhuận sau thuế		3.469	8.400	(16.765)			1.284	(3.837)		560	
<i>Trong đó</i>												
I	CTY CP DU LỊCH TỈNH BR-VT											
	Lượt khách	lượt	693.204	716.785	286.295	39,9	41,3	479.150	48.777	0,11	421.580	147,3
	Doanh thu	Tr.đồng	110.241	123.170	62.193	50,5	56,4	84.550	10.938	0,13	74.000	119,0
	Chi phí	"	123.288	115.550	79.635	68,9	64,6	84.785	14.896	0,18	75.140	94,4
	Lợi nhuận trước thuế	"	8.150	7.620	(17.443)			(235)	(3.958)		(1.140)	6,5
1	KHU DU LỊCH BIỂN ĐÔNG											
	Lượt khách		630.500	650.000	250.000	38,5	39,7	450.000	45.650	0,11	400.400	445,6
	Doanh thu	Tr.đồng	54.805	60.000	25.252	42,1	46,1	48.000	5.580	0,12	43.400	171,9
	Tổng chi phí	Tr.đồng	58.438	55.500	32.326	58,2	55,3	44.500	6.990	0,16	40.500	125,3
	Lợi nhuận trước thuế	"	(3.633)	4.500	(7.074)			3.500	(1.410)		2.900	
2	KHÁCH SẠN SAMMY											
	Lượt khách		24.766	31.200	14.800	47,4	59,8	27.350	2.887	0,11	19.450	131,4
	Doanh thu	Tr.đồng	23.657	32.000	12.296	38,4	52,0	25.000	2.640	0,10	18.825	153,1
	Tổng chi phí	Tr.đồng	25.556	29.500	17.267	58,5	67,6	23.000	3.793	0,16	18.316	106,1
	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(1.886)	2.500	(4.971)			2.000	(1.153)		509	
4	CHI NHÁNH ĐÀ ĐẮNG											
	Lượt khách	Lượt	16.449	10.500	5.734	55	0	1.800	240	0,02	1.730	30
	Doanh thu	Tr.đồng	4.200	3.800	1.508	39,7	35,9	2.700	49	0,02	2.004	132,9

	Tổng Chi phí	"	4.150	3.730	1.993	53,4	48,0	2.650	244	0,09	2.184	109,6
5	Lợi nhuận trước thuế	"	50	70	(485)			50	(195)		(180)	
VĂN PHÒNG CÔNG TY												
	Doanh thu	"	31.690	13.970	15.843	113	50,0	8.850	2.669	0,30	9.771	61,7
	Chi phí	"	22.858	13.820	19.604	142	85,8	14.635	3.869	0,26	14.140	72,1
	Lợi nhuận trước thuế	"	8.832	150	(3.762)			(5.785)	(1.200)		(4.369)	
II CÔNG TY CON												
1 CTY CP DL NGHINH PHONG												
	Lượt khách	Lượt	331.000	310.000	230.000	74,2	69,5	280.000	40.251	0,22	280.000	121,7
	Doanh thu	Tr.đồng	28.599	30.000	18.824	62,7	65,8	24.000	5.034	0,21	24.000	127,5
	Lợi nhuận trước thuế	"	3.012	3.000	(719)			1.500	127	0,08	1.500	208,6
2 CTY CP DL THÙY VÂN												
	Doanh thu	"	2.695	2.750	2.246	81,7	83,3	2000	224	0,11	2.000	89,0
	Lợi nhuận trước thuế	"	1.536	1.580	1.179	74,6	76,8	800	(1)		800	67,9

*** Ghi chú:**

- Số liệu kết quả kinh doanh năm 2020 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

- Số KH 2021:

+ Chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và dự phòng đối với công nợ khó đòi.

+ Chưa dự kiến thu nhập tài chính từ chuyển nhượng vốn tại các đơn vị liên doanh liên kết : Lạc Việt, An Hoa

+ Chưa tính tiền thuê đất KDL Biển Đông vào chi phí theo Thông báo của Chi Cục thuế.

+ Chưa dự tính ảnh hưởng Covid-19 đợt 4 trở đi.

Như vậy, Công ty dự thảo kế hoạch 2021 cụ thể về doanh thu và lợi nhuận từng đơn vị và hợp nhất như sau:

Hợp nhất công ty mẹ và các công ty con:

- Doanh thu: 98.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 700 triệu đồng

Trong đó:

Tại Công ty mẹ:

- Doanh thu: 74.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: -1.140 triệu đồng

Khu Du lịch Biển Đông:

- Doanh thu: 43.400 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 2.900 triệu đồng

Khách sạn Vũng Tàu Sammy:

- Doanh thu: 18.825 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 509 triệu đồng

Chi nhánh Đà Nẵng:

- Doanh thu: 2.004 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: -180 triệu đồng

Văn Phòng Công ty:

- Doanh thu: 9.771 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: -4.369 triệu đồng

Công ty CPDL Nghinh Phong:

- Doanh thu: 24.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: -1.500 triệu đồng

Công ty CPDL Thùy Vân:

- Doanh thu: 2.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 800 triệu đồng

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Bám sát sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp công tác giữa các phòng ban, bộ phận chuyên môn của Công ty với các đơn vị nhằm triển khai tốt nhiệm vụ do HĐQT và ĐHĐCĐ giao.

2. Tiếp tục kiến nghị UBND tỉnh và các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét, tính lại tiền thuê đất, truy thu tiền thuê đất, tiền cơ sở hạ tầng tại khu vực Bãi Sau theo mức hợp lý Công ty thực hiện được.

3. Về việc sắp xếp, xử lý nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính Phủ: tiếp tục đề nghị, kiến nghị Sở tài chính và UBND tỉnh BR - VT được giữ lại các cơ sở nhà, đất Công ty đang quản lý, sử dụng và lên phương án để đầu tư kinh doanh đúng mục đích Nhà nước giao.

4. Trong bối cảnh còn đang ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh covid 19, chủ động tiết giảm tối đa các chi phí, tinh giảm nhân sự, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định.

5. Chú trọng xây dựng bộ máy tổ chức, tinh gọn lại bộ máy nhân sự, đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có, duy trì nhân sự hoạt động ổn định trong thời gian còn diễn ra dịch bệnh Covid 19 đối với các bộ phận kỹ thuật như bàn, bếp, buồng, lễ tân...tuyển thêm nhân sự thay thế những nhân sự nghỉ việc kịp thời. Đảm bảo chính sách tiền lương hợp lý để giữ ổn định thu nhập cho người lao động.

6. Tăng cường công tác marketing, xây dựng các chương trình giảm giá, khuyến mãi, dịch vụ cộng thêm theo từng dịp trong năm để kịp thời quảng bá để khách hàng. Xây dựng các gói sản phẩm dịch vụ đặc thù của từng đơn vị chào bán trên internet qua các website, fanpage, facebook và các mạng booking online để thu hút khách lẻ, khách gia đình lưu trú vào những ngày thấp điểm trong tuần.

7. Tích cực tìm các đối tác và hợp tác với các hãng lữ hành nội địa để thu hút các tour, đoàn khách lớn trong nước.

8. Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, tri ân đối với khách hàng truyền thống.

9. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát. Quan tâm sâu sát hơn nữa các đơn vị trực thuộc để có những hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời. Đồng thời hướng dẫn đơn vị thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác hoạt động kinh doanh.

10. Xây dựng quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí phù hợp với từng đơn vị trực thuộc nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.

11. Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất: Xây dựng phương án đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc nhằm thu hút du khách, tăng năng lực cạnh tranh.

12. Giữ vững an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ và giữ gìn môi trường sinh thái “xanh, sạch, đẹp” theo những tiêu chí của Việt Nam và quốc tế.

13. Tiếp tục thu hồi công nợ, tái cấu trúc vốn, kiện toàn hồ sơ đất đai.

14. Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng tài sản, chống xuống cấp.

15. Thực hiện chủ trương và triển khai lộ trình thoái vốn của Nhà nước.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh BR-VT (để b/c);
- Lưu thư ký HĐQT.

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện đang quản lý, sử dụng.

Kính gửi: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Căn cứ công văn số 896/STC-QLGCS&TCDN ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu V/v xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất do Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện đang quản lý, sử dụng.

Căn cứ công văn số 1290/STC-QLGCS&TCDN ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Tài chính gửi Thường trực UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu V/v phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện đang quản lý, sử dụng (đợt 2).

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT Công ty về việc chuẩn bị tài liệu, cơ sở pháp lý để trình lãnh đạo Công ty xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Qua rà soát các văn bản của Sở Tài chính đề xuất với UBND tỉnh BR-VT và các kết luận của UBND tỉnh BR-VT về việc cho Công ty giữ lại một số cơ sở nhà, đất và xem xét thu hồi một số cơ sở nhà, đất hiện nay Công ty đang quản lý, sử dụng theo quy định của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ và rà soát các công văn, báo cáo, giải trình, kiến nghị của Công ty thời gian qua. Phòng Kế hoạch báo cáo cụ thể tình hình các cơ sở nhà, đất và quá trình thực hiện như sau:

Các cơ sở nhà, đất mà Công ty hiện đang quản lý được Nhà nước giao và Công ty mua lại của các tổ chức, cá nhân trước đây khi còn 100% vốn Nhà nước, tổng cộng 19 cơ sở nhà, đất. Khi cổ phần hóa mỗi một cơ sở nhà, đất được Nhà nước giao đều ghi rõ mục đích giao quản lý, sử dụng. Từ khi cổ phần hóa ngày 05/01/2007 đến nay Công ty đã trải qua bốn thời kỳ lãnh đạo, do các yếu tố chủ quan cũng như khách quan, nên có một số cơ sở nhà đất Công ty chưa kịp thời định hướng để đầu tư và khai thác, kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng mà Nhà nước giao. Từ khi Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 Chính phủ quy định về việc sắp xếp lại, xử lý các loại tài sản công ra đời đến nay được hơn 3 năm nhưng cũng là lúc Công ty đang trong giai đoạn bị Thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước liên tiếp và thực hiện kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 của Thanh tra tỉnh về việc quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng, do đó trong giai đoạn này Công ty luôn gặp rất nhiều khó khăn trong các công tác báo cáo, giải trình, kiến nghị,... đồng thời trong 3 năm vừa qua Nhà nước

có chủ trương thoái phần vốn Nhà nước tại Công ty và liên tục thay đổi người đại diện vốn tại Công ty với 4 người thay đổi làm đại diện vốn nên các lãnh đạo Công ty không thể tiến hành đầu tư khai thác kịp thời các cơ sở nhà, đất mà Nhà nước giao để sử dụng đúng mục đích theo nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính Phủ.

Thời gian qua các Sở, ban, ngành đã nhiều lần có văn bản gửi UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo 167 xem xét, sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất sử dụng không đúng mục đích tại Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT và Công ty cũng đã nhiều lần có văn bản phản hồi gửi Sở Tài chính, UBND tỉnh giải trình cũng như kiến nghị để đưa ra các phương án và thời gian đầu tư, khai thác đúng mục đích các cơ sở nhà, đất được Nhà nước giao cho Công ty quản lý, sử dụng. Cụ thể:

- Ngày 17/4/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường có công văn số 1851/STNMT-CCQLĐĐ kiến nghị UBND tỉnh về việc liên quan đến việc quản lý sử dụng đất của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT. “Kiến nghị: Thu hồi 01 tài sản diện tích 275,2m² số nhà 533-535 Trần Phú, Phường 5, TP Vũng Tàu; Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi tự ý cho thuê tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm; Kiểm tra, rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, xem xét tính khả thi, hiệu quả nhu cầu thực tế việc sử dụng tài sản của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh, để tham mưu cho UBND tỉnh xử lý đối với 12 tài sản Công ty Du lịch đang cho thuê và 04 tài sản Công ty để trống không sử dụng. Nếu không phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt hoặc Công ty không còn nhu cầu sử dụng thì tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thu hồi đất để Nhà nước quản lý”.

- Ngày 04/5/2018, UBND tỉnh có thông báo số 200/TB-UBND về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thành Long tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình sử dụng đất, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT.

- Ngày 16/8/2018, Sở Tài Chính có công văn số 3151/STC-QLGCS gửi Công ty về việc đề nghị các đơn vị có vốn Nhà nước trên 50% nghiên cứu nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ, Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/04/2018 của Bộ Tài chính lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà đất tại đơn vị đang quản lý, sử dụng gửi Sở Tài chính để xem xét kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà đất và lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án theo đúng quy định.

- Ngày 23/8/2018, Công ty đã tổ chức cuộc họp cùng xem xét và thống nhất nội dung ký biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất tại Công ty theo công văn số 3151/STC-QLGCS ngày 16/8/2018 Sở Tài chính đã gửi.

- Ngày 01/10/2018, Sở Tài Chính có công văn số 3788/STC-QLGCS gửi Công ty về việc triển khai sắp xếp, xử lý nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, đề nghị đơn vị có vốn Nhà nước trên 50% lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với tất cả các cơ sở nhà đất tại đơn vị đang quản lý, sử dụng gửi Sở Tài chính để xem xét kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà đất và lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án theo đúng quy định.

- Ngày 19/10/2018, Công ty đã gửi công văn số 87/CV-DL cho Sở Tài chính về việc sắp xếp, xử lý nhà đất theo công văn số 3788/STC-QLGCS của Sở Tài chính ngày 01/10/2018.

- Ngày 20/12/2018, Sở Tài Nguyên & Môi trường có công văn số 7375/STNMT-CCQLĐĐ V/v cung cấp thông tin, tài liệu cho đoàn kiểm toán việc quản lý sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011-2017 và đề nghị Công ty lập báo cáo về tình hình sử dụng đất, biến động đất đai trong, sau cổ phần hóa.

- Ngày 07/3/2019, Sở Tài chính có công văn số 906/STC-QLGCS về việc kiểm tra hiện trạng cơ sở nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ đối với Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Công ty cổ phần và Công ty TNHH do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trực thuộc tỉnh.

- Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 03/2019, Sở Tài chính đã tiến hành kiểm tra hiện trạng nhà, đất Công ty đang quản lý, sử dụng, và đã ghi nhận tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 14,15,16/8/2019. (Công ty đã gửi biên bản kiểm tra hiện trạng toàn bộ các cơ sở, nhà đất cho Sở Tài chính)

- Ngày 04/07/2019, Sở Tài Chính có công văn số 2472/STC-TCDN gửi Công ty về việc tình hình sắp xếp, sử dụng đất tại Công ty.

- Ngày 24/07/2019, Công ty đã gửi văn bản cho Sở Tài chính báo cáo số 80/BC-DL về việc tình hình sắp xếp, sử dụng đất tại Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT.

- Ngày 01/08/2019, Công ty đã gửi báo cáo số 79/BC-DLVT cho Sở Tài chính Báo cáo kiểm tra hiện trạng sử dụng đất theo Công văn số 906/STC-QLGCS ngày 07/3/2019.

- Ngày 16/09/2019, Sở Tài chính có công văn số 3487/STC-TCDN về việc tổ chức họp giao ban với Doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp có vốn Nhà nước yêu cầu Công ty báo cáo.

- Ngày 04/10/2019, Công ty đã có công văn số 102/BC.DL báo cáo Sở Tài chính về tình hình kinh doanh và việc sắp xếp nhà đất theo nghị định 167/2017/NĐ-CP.

- Ngày 22/10/2019, Sở Tài Chính có công văn số 4035/STC-QLGCS gửi Trưởng ban chỉ đạo 167 báo cáo và đề xuất về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ngày 25/02/2020, UBND tỉnh có Thông báo số 60/TB-UBND về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thành Long – Trưởng ban chỉ đạo 167 tại buổi họp nghe báo cáo việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan Đảng ở Trung ương và của Tổng Cục hải quan trên địa bàn tỉnh, Liên đoàn lao động, Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ngày 11/3/2020, Công ty đã có công văn số 21/BCDL kiến nghị xem xét về việc sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

- Ngày 11/09/2020, UBND tỉnh có Thông báo số 628/TB-UBND về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ngọc Khánh – Trưởng ban chỉ đạo 167 tại buổi họp nghe báo cáo

việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý trên địa bàn tỉnh. Trong đó phương án của tỉnh như sau:

+ Giữ lại tiếp tục sử dụng 03 cơ sở nhà, đất tại: số 157 đường Thùy Vân, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu; số 207 Võ Thị Sáu, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu; số 127 đường Hoàng Hoa Thám, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu.

+ Thu hồi đối với 03 cơ sở nhà đất: 608 đường Trần Phú, P8, TP. Vũng Tàu, số 1336 đường 30/4, P12, TP. Vũng Tàu; Kios chợ cũ Vũng Tàu.

+ Giao Sở Tài chính rà soát hiện trạng quản lý, xử lý tranh chấp, lấn chiếm; tổ chức làm việc với Công ty về phương án đầu tư khai thác, chứng minh khả năng tài chính để tiếp tục triển khai đầu tư đối với các cơ sở nhà đất còn lại, trên cơ sở đó thống nhất phương án sắp xếp lại báo cáo thường trực UBND tỉnh.

- Ngày 24/9/2020, Sở Tài chính gửi công văn số 3831/STC-QLGCS&TCND đề nghị Công ty: Rà soát hiện trạng quản lý đối với các cơ sở nhà đất còn lại và Báo cáo cụ thể đối với từng cơ sở nhà đất đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tranh chấp, lấn chiếm và cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan để xác định việc tranh chấp, lấn chiếm theo quy định pháp luật; Xây dựng phương án đầu tư, khai thác đối với từng cơ sở nhà đất nhằm phát huy hiệu quả việc tổ chức, quản lý, sử dụng nhà, đất; Chứng minh khả năng tài chính đối với các phương án đầu tư, khai thác theo quy định.

- Ngày 01/10/2020, Công ty đã gửi công văn số 99/BC-DL báo cáo Sở Tài chính về hiện trạng sử dụng, xử lý tranh chấp, lấn chiếm; đề xuất phương án đầu tư khai thác; chứng minh tài chính để tiếp tục triển khai đầu tư các cơ sở nhà, đất Công ty đang quản lý.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 628/TB-UBND ngày 11/9/2020, Sở Tài chính đã trình Chủ tịch UBND xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất Công ty cổ phần Du lịch tỉnh hiện đang quản lý, sử dụng theo công văn số 896/STC-QLGCS&TCND ngày 17/3/2021. Đồng thời Sở Tài chính cũng đã trình Thường trực UBND tỉnh xem xét về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất Công ty cổ phần Du lịch tỉnh hiện đang quản lý, sử dụng (đợt 2) theo công văn số 1290/STC-QLGCS&TCND ngày 12/4/2021. Cụ thể như sau:

I. Cơ sở nhà, đất không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà đất:

Có 01 cơ sở nhà, đất 533-535 Trần Phú, phường Thắng Nhì, diện tích 275.3m², giấy chứng nhận QSD đất số BL 907611 ngày 24/12/2012 đã được UBND tỉnh thu hồi theo quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 và đã được Công ty CP du lịch Tỉnh BR-VT bàn giao theo biên bản bàn giao đất trên thực địa ngày 24/8/2018.

II. Được giữ lại tiếp tục sử dụng có 03 cơ sở nhà, đất như sau:

1. Cơ sở nhà, đất số: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 5.005,5m², nhà 11.977m²

- Hồ sơ pháp lý: Giấy Chứng nhận QSD đất và sở hữu công trình số AL599767 ngày 22/12/2008.

- Hiện trạng sử dụng: Công ty đang trực tiếp kinh doanh Khách sạn Sammy Vũng Tàu.

2. Cơ sở nhà, đất số: 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng : nhà, đất 1.881,7m²
- Hồ sơ pháp lý: Giấy Chứng nhận QSD đất số BL 657204 ngày 15/7/2010
- Hiện trạng sử dụng: trụ sở Văn phòng Công ty.

3. Cơ sở nhà đất số: 127 Hoàng Hoa Thám, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 648m², nhà 500m²
- Hồ sơ pháp lý: Đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Hiện trạng sử dụng: Giao cho KDL Biển Đông kinh doanh nhà hàng (đang tạm ngưng hoạt động).

III. Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 01 cơ sở nhà, đất tại số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu:

- Diện tích sử dụng: đất 54.171,1m², nhà 10.830,3m²
- Hồ sơ pháp lý: Đã được UBND Tỉnh giao cho Công ty CP du lịch Tỉnh BR-VT tiếp nhận, quản lý và kinh doanh khu du lịch 750m theo số 2620/UB.VP ngày 17/7/1999 và công văn bổ sung diện tích bãi sau số 673/UB.VP ngày 07/03/2000. Công ty đã giao cho Khu du lịch Biển Đông khai thác kinh doanh từ 16/8/1999 đến nay.
- Hiện trạng sử dụng: Chi nhánh Công ty CP du lịch tỉnh BR-VT-Khu du lịch Biển Đông đang trực tiếp kinh doanh.

IV. Chưa thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với 02 cơ sở nhà, đất:

1. Cơ sở nhà, đất số: 01 Hạ Long, phường 2, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 10.331m², nhà 852m²
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất và sở hữu công trình số CT 06659 ngày 19/9/2016.
- Hiện trạng sử dụng: Công ty đang hợp tác kinh doanh với Ông Trần Văn Hải từ năm 2004. Hiện nay Công ty TNHH Kim Thiện An nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của Ông Trần Văn Hải tương đương 90% vốn đầu tư vào Khu đất theo hợp đồng liên kết để tiếp tục đầu tư xây dựng. Hiện dự án đã có chủ trương của UBND Tỉnh thành lập dự án khu resort 5 sao (Caporini resort) theo CV số 5706/UBND-VP ngày 25/7/2016.
- Phương án trong thời gian tới: Công ty đang xem xét xử lý 10% vốn còn lại.

2. Cơ sở nhà, đất số: 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: 8.944m²
- Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đang bị tranh chấp, hiện nay Tòa án cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đang trong giai đoạn xét xử.
- Hiện trạng sử dụng: Đất để trống.

V. Thu hồi đối với 12 cơ sở nhà, đất cụ thể như sau:

1. Cơ sở nhà, đất số: 608 Trần Phú, phường 6, Tp. Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: nhà, đất 235,2m²
- Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê cho đến khi có QĐ thu hồi
- 2. Cơ sở nhà, đất số: 1336 đường 30/4, phường 12, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: đất 35m²
 - Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê cho đến khi có QĐ thu hồi
- 3. Kios chợ cũ Vũng Tàu, phường 1, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: 9m²
 - Hồ sơ pháp lý: Là một gian hàng nhỏ, không có yếu tố đất
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê cho đến khi có QĐ thu hồi.
- 4. Cơ sở nhà, đất số: 29-31 Trần Hưng Đạo, phường 1, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: đất 937m², nhà 2.158,41m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất và sở hữu công trình số AL 599736 ngày 20/01/2007
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho 02 đơn vị thuê như sau:
 - + Ngân hàng Oceanbank: ngày hết hạn hợp đồng: 30/6/2021
 - + Bà Nguyễn Thị Thúy An: ngày hết hạn hợp đồng: 31/12/2022
- 5. Cơ sở nhà, đất số: 35 Trần Hưng Đạo, phường 1, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: đất 164m², nhà 476,52m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất số AB 657207 ngày 15/7/2010
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê, ngày hết hạn hợp đồng: 23/05/2021
- 6. Cơ sở nhà, đất số: 27-29 Trưng Nhị, phường 1, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: đất 166,4m², nhà 817,31m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất số AL 657206 ngày 15/7/2010
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê, ngày hết hạn hợp đồng: 31/10/2021
- 7. Cơ sở nhà, đất số: 31 Trưng Nhị, phường 1, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: 91,2m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất số AL 599737 ngày 23/6/2008
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê, ngày hết hạn hợp đồng: 31/10/2021
- 8. Cơ sở nhà, đất số 128 Hạ Long, phường 2, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: 313,1m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất số BL 907610 ngày 17/01/2013
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời để trống
- 9. Cơ sở nhà, đất số 101 Bacu, phường 1, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: 206,8m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất số BL 657203 ngày 15/7/2010
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê, ngày hết hạn hợp đồng: 31/7/2022
- 10. Cơ sở nhà, đất số 17 Đường 30/4, phường 6, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: đất 1.095,5m², nhà 269,5m²
 - Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSD đất số BL 657203 ngày 15/7/2010
 - Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê, ngày hết hạn hợp đồng: 31/7/2022
- 11. Cơ sở nhà, đất số 23 Trần Phú, phường 5, Tp Vũng Tàu**
- Diện tích sử dụng: đất 558m², nhà 325m²

- Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang để trống

12. Cơ sở nhà, đất số 1B Nguyễn Thái Học, phường 7, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 1.791m², nhà 342m²
- Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê, ngày hết hạn hợp đồng 31/10/2021.

* Ngày 14/04/2021, UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 1039/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty (đợt 1) nội dung như sau:

I. Quyết định cho phép giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 03 cơ sở nhà, đất:

1. Cơ sở nhà, đất số: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 5.005,5m², nhà 11.977m²
- Hồ sơ pháp lý: Giấy Chứng nhận QSD đất và sở hữu công trình số AL599767 ngày 22/12/2008.
- Hiện trạng sử dụng: Công ty đang trực tiếp kinh doanh Khách sạn Sammy Vũng Tàu.

4. Cơ sở nhà, đất số: 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng : nhà, đất 1.881,7m²
- Hồ sơ pháp lý: Giấy Chứng nhận QSD đất số BL 657204 ngày 15/7/2010
- Hiện trạng sử dụng: trụ sở Văn phòng Công ty.

5. Cơ sở nhà đất số: 127 Hoàng Hoa Thám, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 648m², nhà 500m²
- Hồ sơ pháp lý: Đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Hiện trạng sử dụng: Giao cho KDL Biển Đông kinh doanh nhà hàng (đang tạm ngưng hoạt động).

II. Thu hồi 03 cơ sở nhà, đất:

1. Cơ sở nhà, đất số: 608 Trần Phú, phường 6, Tp. Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: nhà, đất 235,2m²
- Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê cho đến khi có QĐ thu hồi

2. Cơ sở nhà, đất số: 1336 đường 30/4, phường 12, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: đất 35m²
- Hồ sơ pháp lý: Hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê cho đến khi có QĐ thu hồi

3. Kios chợ cũ Vũng Tàu, phường 1, Tp Vũng Tàu

- Diện tích sử dụng: 9m²
- Hồ sơ pháp lý: Là một gian hàng nhỏ, không có yếu tố đất
- Hiện trạng sử dụng: tạm thời đang cho thuê cho đến khi có QĐ thu hồi.

Đồng thời Quyết định nêu rõ:

- Giao cho Công ty có trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng đối với 03 cơ sở nhà, đất được giữ lại theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Bàn giao nguyên trạng 03 cơ sở nhà, đất thu hồi tại 608 Trần Phú, phường 6, TP. Vũng Tàu; số 1336 đường 30/4, P12, TP. Vũng Tàu. Và Kios chợ phường 1 kèm hồ sơ pháp lý có liên quan.

- Chủ động liên hệ với Sở tài nguyên và môi trường và các cơ quan có liên quan để hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai trong vòng 06 tháng kể từ ngày phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Khẩn trương lập hồ sơ thủ tục sắp xếp các cơ sở nhà đất còn lại theo đúng quy định.

*** Trên cơ sở các Công văn đề nghị của Sở tài chính và Quyết định số 1039/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Phòng kế hoạch đã rà soát lại về hồ sơ pháp lý các cơ sở nhà đất như sau:**

- Trong 03 cơ sở nhà, đất được giữ lại tiếp tục sử dụng có 02 cơ sở đã được ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 cơ sở tại địa chỉ số 127 Hoàng Hoa Thám chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do trước đây bị vướng quy hoạch, nay Nhà nước điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công viên Bàu Sen, TP. Vũng Tàu, thì cơ sở nhà đất tại 127 Hoàng Hoa Thám không còn vướng vào quy hoạch nữa, do đó Phòng Kế hoạch đang hoàn thiện thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*kèm theo hợp đồng thuê đất và giấy CNQSD đất*).

- Trong 02 cơ sở nhà, đất chưa thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất có 01 cơ sở nhà, đất tại địa chỉ số 01 Hạ Long đã được ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy CNQSD đất, còn lại 01 cơ sở nhà đất tại địa chỉ số 209 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu chưa hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong quy hoạch và đang bị tranh chấp, hiện nay đang trong giai đoạn xét xử.

- 01 cơ sở nhà, đất tạm giữ lại tiếp tục sử dụng tại địa chỉ số 08 Thùy Vân, phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, hiện nay chưa được ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy CNQSD đất.

- Ba cơ sở nhà, đất bị thu hồi: tại số 608 Trần Phú, số 1336 đường 30/4, TP. Vũng Tàu và Kios chợ cũ đều là các cơ sở có diện tích nhỏ lẻ không làm được giấy tờ đất hoặc bị vướng quy hoạch nên khó triển khai kinh doanh.

- Còn lại 09 cơ sở nhà, đất Sở Tài chính đề nghị thu hồi có 07 cơ sở nhà, đất đã được ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy CNQSD đất, 02 cơ sở chưa được cấp giấy CNQSD đất (*kèm theo hợp đồng thuê đất và giấy CNQSD đất*), Trong đó có 07 cơ sở nhà, đất đang cho thuê và 2 cơ sở nhà đất để trống.

Sở tài chính đề nghị thu hồi với lý do Công ty sử dụng không đúng mục đích và khả năng tài chính của Công ty không đủ để triển khai thực hiện các dự án tại các cơ sở nhà, đất

Công ty hiện đang quản lý, sử dụng theo phương án đã đề xuất do Công ty đang nợ tiền thuê đất từ năm 2006 đến 2017 là 130,97 tỷ đồng và tiền thuê đất từ năm 01/01/2008 đến 31/12/2020 chưa nộp là 87 tỷ đồng.

Qua buổi làm việc với Phó chủ tịch UBND tỉnh BRVT và đại diện các ban ngành chức năng về tình hình thực hiện phương án, sắp xếp, sử lý các cơ sở nhà đất theo nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 vào ngày , Đại diện Công ty đã xin được giữ lại các cơ sở nhà, đất còn lại

Qua các nội dung báo cáo trên Phòng Kế hoạch Công ty kính trình Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét có ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

PHÒNG KẾ HOẠCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD Công ty;
- Các phòng ban Công ty;
- Lưu: VT.

Số : / BC-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 1/1/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả quản trị điều hành năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 như sau:

I. Đánh giá kết quả hoạt động, kinh doanh năm 2020:

Thế giới đi qua năm 2020 với đà suy giảm kinh tế tại tất cả quốc gia do hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19. Hiện nay đại dịch vẫn đang bùng phát dữ dội, bất chấp việc gần đây đã có vắc-xin giúp ngăn chặn loại vi-rút nguy hiểm này.

Tại Việt Nam, năm 2020 với hai lần bùng phát dịch bệnh, làm cho tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vô cùng khó khăn. Đỉnh điểm là trong tháng 04/2020, thực hiện chủ trương giãn cách xã hội của Chính phủ và UBND tỉnh, Công ty tạm thời đóng cửa, ngừng kinh doanh một số đơn vị trực thuộc.

Tại tỉnh BR-VT, kể từ 00 giờ ngày 07/5/2020 các bãi tắm biển được phép hoạt động trở lại, tình hình khách du lịch khởi sắc hơn, tuy nhiên thị trường vẫn chưa phục hồi, mức chi tiêu cho du lịch còn hạn chế, du khách tiết giảm tối đa, chỉ sử dụng những dịch vụ cần thiết.

Cuối tháng 7/2020, dịch bệnh lại bùng phát tại Đà Nẵng, khách đoàn huỷ, khách lẻ không có. Tình hình kinh doanh đã khó khăn, càng khó khăn hơn. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2020 toàn công ty không đạt kế hoạch đề ra, tổng doanh thu đạt 80.657 triệu đồng, đạt 58,5% so với cùng kỳ, đạt 52,7% so với kế hoạch ; lỗ 16.765 triệu đồng.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

1. Nhân sự trong HĐQT công ty:

Số TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phần sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ngày miễn nhiệm
1	Vốn nhà nước Đại diện: ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch HĐQT	10.978.400	58,88	
2	Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc TV. HĐQT	2.800		31/7/2020 28/8/2020
3	Công ty TNHH XD&DV TM An Khang Đại diện: ông Lê Văn Chiến	TV. HĐQT	932.225	5,00	28/8/2020
4	Công ty TNHH TM-DL Ngọc Lâm Đại diện: ông Nguyễn Tiến Mạnh	TV. HĐQT	2.237.340	12,00	
5	Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Kế toán trưởng TV. HĐQT	1.600		

Các thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2020 theo đúng chức trách với tinh thần trách nhiệm cao; nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty.

2. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và công ty, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

Quyết định, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các công tác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, HĐQT thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với Ban điều hành để giải quyết những khó khăn nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Giám sát việc giao cho Ban tổng giám và các phòng ban chuyên nhượng thành công phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH DL Nam Biển Đông, quyền mua cổ phần của Công ty tại Công ty CP DL San Hô Xanh Côn Đảo.

Đối với các vấn đề cần có sự thông qua của HĐQT, nếu không tổ chức được các cuộc họp thảo luận thì thông qua các thành viên Hội đồng quản trị Công ty bằng hình thức lấy ý kiến qua thư tín.

3. Các nghị quyết ban hành năm 2020:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
01	01-2020/NQ-HĐQT	09/01/2020	Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT tại Công ty TNHH DL Nam Biển Đông.
02	02-2020/NQ-HĐQT	09/01/2020	Thông qua nội dung tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
03	03-2020/NQ-HĐQT	09/01/2020	Thông qua nội dung đồng ý chọn Công ty TNHH kiểm toán AFC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
04	04-2020/NQ-HĐQT	31/01/2020	Thông qua nội dung: “Không đồng ý tăng vốn” tại Công ty cổ phần thể thao và thi đấu giải trí (SES).
05	05/NQ-HĐQT	18/3/2020	Thông qua nội dung: “Chuyển nhượng phần vốn của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT tại Công ty cổ phần Du lịch An Hoa”.
06	06/NQ-HĐQT	04/5/2020	Thông qua nội dung: - Gia hạn khoản nợ vay 2.550 triệu đồng của Công ty cổ phần du lịch Nghinh Phong đến ngày 31/3/2021. - Áp dụng lãi suất cho vay 3%/năm từ ngày 01/3/2020 đối với khoản vay trên.
07	07/NQ-HĐQT	28/4/2020	Thông qua nội dung: 1. Giao Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký văn bản gửi Sở KH&ĐT xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ năm 2020. 2. Tiếp tục ký phụ lục hợp đồng với Công ty cổ phần chứng khoán FPT bằng thư xin ý kiến, trong đó thể hiện nội dung chi tiết, giá trị hợp đồng... để FPT tư vấn tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020. 3. Giao Người đại diện vốn của doanh nghiệp tại Công ty CPDL Thùy Vân biểu quyết giảm tiền thuê khách sạn trước mắt trong ngắn hạn theo nội dung công văn số 30/CV-DL và các tháng tiếp theo. Đồng thời chủ động thảo luận với các cổ đông Công ty CPDL Thùy Vân về hợp đồng đã ký, phương hướng hoạt động thời gian tới của khách sạn Thùy Vân nhưng phải đảm bảo lợi ích nhất cho công ty. Kết quả sau khi đàm phán, người đại diện vốn sẽ báo cáo

			<p>HĐQT công ty.</p> <p>4. Giao Tổng Giám đốc chủ động chỉ đạo điều hành, có các giải pháp ứng xử tình hình kinh doanh và chế độ cho người lao động từng tháng trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid 19, báo cáo xin ý kiến Chủ tịch HĐQT quyết định đối với các nội dung vượt thẩm quyền, đồng thời báo cáo HĐQT trong phiên họp HĐQT tiếp theo.</p>
08	08/NQ-HĐQT	10/6/2020	<p>Thông qua nội dung: “Chuyển nhượng phần vốn của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT tại Công ty cổ phần Lạc Việt”.</p>
09	09/NQ-HĐQT	26/6/2020	<p>Thông nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian chốt danh sách cổ đông: ngày 30/7/2020. 2. Thời gian dự kiến tổ chức đại hội: ngày 28/8/2020. 3. Địa điểm: công ty sẽ thông báo cụ thể trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ.
10	10/NQ-HĐQT	09/7/2020	<p>Thông qua nội dung :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giao Tổng giám đốc thông báo cho các đối tác chủ trương của công ty thực hiện chỉ đạo của nhà nước theo nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/17 của Chính phủ. 2. HĐQT chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Lê Văn Chiến và sẽ thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định khác. 3. Thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020: <ul style="list-style-type: none"> - Chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/7/2020. - Dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ chậm nhất là ngày 28/8/2020. 4. Về đầu tư góp vốn ra ngoài doanh nghiệp : Tổng Giám đốc hoàn thiện báo cáo chính thức và trình HĐQT xem, có ý kiến trong phiên họp HĐQT tiếp theo dự kiến trong tháng 07/2020. 5. Về phương hướng, hoạt động của khách sạn Thùy Vân trong thời gian tới HĐQT sẽ thông qua bằng thư xin ý kiến. 6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng năm 2020 cho Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT bằng thư xin ý kiến.
11	11/NQ-HĐQT	13/7/2020	<p>Nhất trí thông qua nội dung đồng ý chọn Công ty TNHH kiểm toán AFC là đơn vị thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kết thúc ngày 30/6/2020 cho Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT</p>
12	12/NQ-HĐQT	20/7/2020	<p>Điều chỉnh nội dung tại Mục 1, Điều 1 Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/6/2020 như sau: Thời gian chốt danh sách cổ đông: Theo quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.</p>

13	13/NQ-HĐQT	23/7/2020	<p>Nhất trí thông qua nội dung nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đề nghị ông Nguyễn Hồng Ân tiếp tục các nhiệm vụ cho đến hết ngày 31/7/2020 và phối hợp với công ty tiến hành các thủ tục bàn giao theo quy định. HĐQT thực hiện việc miễn nhiệm các chức danh của ông Nguyễn Hồng Ân theo Điều lệ công ty và quy định hiện hành.
14	14/NQ-HĐQT	31/7/2020	Miễn nhiệm chức danh và chấm dứt HĐLĐ đối với ông Nguyễn Hồng Ân – Tổng giám đốc Công ty, kể từ ngày 01/8/2020.
15	15/NQ-HĐQT	31/7/2020	Đồng ý tạm thời đề cử ông Thái Hoàng Thân - Thành viên HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty cho đến khi thông qua ĐHĐCĐ sửa đổi điều lệ Công ty hoặc HĐQT thực hiện thủ tục bổ nhiệm nhân sự vào chức danh Tổng giám đốc Công ty.
16	16/NQ-HĐQT	18/8/2020	<p>Hội đồng quản trị công ty thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 các báo cáo và tờ trình sau (đính kèm):</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019, kế hoạch năm 2020. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, kế hoạch năm 2020. Tờ trình về việc trình Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019. Tờ trình về việc trình Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 2018, 2019 và dự kiến cổ tức năm 2020. Tờ trình về việc trình mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, BKS thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Tờ trình lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. Tờ trình Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Tờ trình về việc trình Quy chế quản trị công ty. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Tờ trình thực hiện sắp xếp cơ sở nhà, đất ngheo Nghị định 167/2017/NĐCP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ.
17	17/NQ-HĐQT	1/9/2020	Đồng ý tạm thời đề cử ông Thái Hoàng Thân - Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường của Công ty cổ phần du lịch San Hồ Xanh Côn Đảo và biểu quyết theo nội dung tại Thư xin ý kiến số 08/CV-CT, ngày 13/8/2020.
18	18/NQ-HĐQT	1/9/2020	Thống nhất cử ông Thái Hoàng Thân - Thành viên HĐQT, đại diện vốn của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh BR – VT tại các doanh nghiệp Công ty đang tham gia góp vốn.

19	19/NQ-HĐQT	14/9/2020	Nhất trí thông qua chủ trương: “Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tăng vốn góp của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Công ty cổ phần du lịch San Hồ Xanh Côn Đảo”. Hình thức chuyển nhượng: đấu giá công khai.
20	20/NQ-HĐQT	14/10/2020	Nhất trí chủ trương tiếp tục tạm ngưng hoạt động kinh doanh Chi nhánh Vũng Tàu một năm.
21	21/NQ-HĐQT	29/10/2020	Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR- VT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban thực hiện quy trình miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc cho đến khi Công ty có Tổng giám đốc.
22	22/NQ-HĐQT	29/10/2020	Điều chỉnh nội dung tại Điều 2 Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 18/3/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT như sau: “Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các trình tự, thủ tục chuyển nhượng phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần du lịch An Hoa theo quy định hiện hành, bảo đảm tối đa lợi ích của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT, báo cáo kết quả cho HĐQT Công ty sau khi kết thúc việc chuyển nhượng”.
23	23/NQ-HĐQT	29/10/2020	Điều chỉnh nội dung tại Điều 2 Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 10/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT như sau: “Chủ tịch HĐQT Công ty có trách nhiệm tham mưu trình HĐQT xem xét, lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh BR-VT tại Công ty cổ phần Lạc Việt.”
24	24/NQ-HĐQT	26/11/2020	Nhất trí thông qua nội dung: 1. Tiếp tục kiến nghị các cơ quan hữu quan về tiền thuê đất và truy thu tiền thuê đất theo Kết luận 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 của Thanh tra tỉnh. 2. Thông qua HĐQT bằng thư xin ý kiến về hạch toán tiền thuê đất lô đất số 08 Thùy Vân (KDL Biển Đông) trong thời gian tới với 2 nội dung: + Hạch toán tiền thuê đất trên diện tích xây dựng được Trung tâm quỹ đất đo vẽ lại năm 2016 là 10.830,3m ² để đưa vào kết quả sản xuất kinh doanh. + Hạch toán đầy đủ tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế và tạm treo tại tài khoản phù hợp. Đồng thời tiếp tục kiến nghị với cơ quan nhà nước. 3. Tiếp tục kiến nghị giữ lại 12 cơ sở nhà, đất theo Thông báo số 628/TB-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh BR-VT ; Thống nhất thông qua HĐQT bằng thư xin ý kiến về 3 cơ sở nhà, đất Nhà nước dự kiến thu hồi khi có quyết định chính thức của cấp có thẩm quyền.

			<p>4. Thống nhất chủ trương giải thể Chi nhánh TPHCM.</p> <p>5. Thống nhất các cổ đông ngoài nhà nước đề cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty để đáp ứng việc thiếu hụt thành viên HĐQT Công ty hiện nay.</p> <p>6. Thống nhất việc đề cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP DL Nghinh Phong bằng thư xin ý kiến.</p> <p>7. Việc đề cử nhân sự tham gia HĐQT Công ty CP DL Thùy Vân: ông Thái Hoàng Thân sẽ báo cáo sau khi dự họp HĐQT Công ty này.</p> <p>8. Thống nhất chủ trương cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.</p> <p>9. Thống nhất giao Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban thực hiện quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.</p> <p>10. Thống nhất tiếp tục cho thuê tài sản trên đất với thời gian ngắn hạn trong khi chờ chủ trương của Nhà nước đối với các cơ sở nhà, đất của công ty.</p> <p>11. Thống nhất làm rõ vấn đề và quy trách nhiệm cá nhân đối với vụ việc ngộ độc thực phẩm tại nhà hàng Sao Biển.</p>
25	25/NQ-HĐQT	10/12/2020	Thống nhất chủ trương nhượng bán xe Toyota Landcruiser thuộc sở hữu a Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
26	26/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thống nhất chọn Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt là đơn vị tư vấn xác định giá chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Công ty cổ phần Lạc Việt.

III. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021:

Năm 2021, đời sống, kinh tế, xã hội vẫn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức bởi những ảnh hưởng nặng nề, bất khả kháng của đại dịch Covid – 19. Vì thế, Công ty sẽ phải nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị và điều hành; Đổi mới phương thức và cơ cấu tổ chức kinh doanh; Nâng cao hiệu suất lao động ở tất cả các khâu, các bộ phận; Sử dụng - quản lý - điều phối hợp lý mọi nguồn lực, thế mạnh, nguồn nhân lực của Công ty; Phân đấu đạt mức tốt nhất về doanh thu, lợi nhuận nhằm đảm bảo lợi ích chung của Công ty, cổ đông và người lao động.

Một số nhiệm vụ chính như sau:

1. Công tác quản trị: Soát xét bổ sung, sửa đổi đồng bộ các văn bản quy chế, quy định của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản pháp luật của nhà nước làm căn cứ quản lý và chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty (Điều lệ tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính, quy chế tiền lương; quy chế hoạt động của HĐQT; quy chế hoạt động của Tổng Giám đốc...); Giám sát toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Bổ sung đầy đủ nhân sự quản lý Công ty, xây dựng phương án tổ chức, sắp xếp nhân sự phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế

3. Thoái vốn các dự án không hiệu quả, xử lý dứt điểm các dự án “chết”, dự án “treo” nhằm tạo thêm nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư, đồng thời không phải hạch toán dự phòng gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5. Về thực hiện Nghị định 167/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ: HĐQT sẽ có phương án cụ thể đối với từng cơ sở nhà, đất bằng hình thức trực tiếp đầu tư kinh doanh hoặc hợp tác đầu tư kinh doanh bảo đảm phù hợp với quy hoạch của nhà nước, chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6. Tiếp tục kiến nghị các cơ quan ban ngành về tiền thuê đất đối với lô đất 08 Thù Vân (KDL Biển Đông) và lô 06 Thù Vân (Công ty cổ phần du lịch Nghinh Phong), nội dung: phương án tính giá tiền thuê đất phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại đơn vị, thị trường và đúng pháp luật.

Trên đây là một số hoạt động năm 2020 và phương hướng năm 2021, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét.

Trân trọng./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân

Vũng Tàu, ngày 6 tháng năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC;
- Căn cứ vào các Quy định quản lý nội bộ Công ty;

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) nội dung kết quả thẩm tra tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

I/ Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Về nhân sự của Ban Kiểm soát 2020 gồm 03 thành viên:

1	Bà Nguyễn Thị Lý	Thành viên
2	Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, các thành viên Ban kiểm soát đã phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty trong quản lý điều hành của HĐQT, Ban TGD trong năm cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đối với HĐQT và ban TGD Công ty;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGD trong năm;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến nghị với HĐQT/Ban TGD về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm tại các cuộc họp;
- Thẩm tra các báo cáo tài chính năm, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến BCTC; giám sát việc thực thi các kiến nghị của kiểm toán độc lập đưa ra;
- Thẩm định Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo quản trị của của toàn Công ty, có các ý kiến đề xuất để đảm bảo Báo cáo được lập theo đúng quy trình, quy định, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp quan trọng khác của Ban điều hành Công ty khi được mời.

Các thành viên Ban kiểm soát đều là kiêm nhiệm do đó các hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện trên cơ sở chọn mẫu trên cơ sở dữ liệu các đơn vị trực thuộc và Công ty cung cấp trong khoảng thời gian ngắn nên mức độ thực hiện hoạt động của BKS đôi khi chưa bao quát được như mong muốn.

II/ Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2020 theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và năm 2020, Điều lệ hoạt động và các Nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị đã tích cực triển khai, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp trực tiếp và phản hồi ý kiến bằng văn bản tổng là 26 lần, đã ban hành 26 Nghị quyết. Các Nghị quyết, Quyết định đều tập trung vào việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến công tác điều hành kinh doanh của Công ty. Các hoạt động cụ thể đã thể hiện trong báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng và thẩm quyền.

- Trong năm 2020 có một số thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc như sau: HĐQT đã nhất trí thông qua đơn xin từ nhiệm của 2 thành viên HĐQT và ĐHCĐ đã thông qua đề nghị miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT kể từ ngày 28/08/2020 đối với:

1. Ông Lê Văn Chiến - Thành viên HĐQT
2. Ông Nguyễn Hồng Ân - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Do đó, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thì từ ngày 28/08/2020 đến nay HĐQT của Công ty đang thiếu 02 thành viên HĐQT và khuyết chức danh Tổng Giám đốc vẫn chưa tìm được người bổ sung, như vậy chưa đúng với luật Doanh nghiệp 2020 về chức danh Tổng Giám đốc và Điều lệ Công ty về số lượng thành viên HĐQT. Đề nghị Ban điều hành Công ty giới thiệu người bổ sung thành viên HĐQT để Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng quy định và tìm Tổng giám đốc để điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

III/ Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của HĐQT và đã có ý kiến về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của BKS tại các cuộc họp. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã nhận được sự phối hợp từ phía HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận để thực hiện nhiệm vụ do cổ đông giao;

- Đối với cổ đông: Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

IV/ Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2020

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính toàn Công ty năm 2020:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý về đa số tình hình tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. Nhưng riêng về chi phí thuê đất tại Bãi biển Thùy Vân của Công ty mẹ và Công ty con là Công ty CPDL Nghinh Phong đến thời điểm 31/12/2020 vẫn chưa phản ánh đầy đủ theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Chi cục Thuế TP Vũng Tàu và truy thu tiền thuê đất, truy thu tiền cơ sở hạ tầng theo quyết định của Thanh tra tỉnh từ năm 2018 chưa được hạch toán, cụ thể về tiền thuê đất và nghĩa vụ khác với Ngân sách Nhà nước tại Bãi biển Thùy Vân của Công ty mẹ và Công ty con - Công ty CPDL Nghinh Phong:

- Năm 2018, 2019 và năm 2020: Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí tiền thuê đất theo các Thông báo của Chi cục thuế TP. Vũng Tàu về tạm nộp tiền thuê đất năm 2018, 2019, 2020 tại Bãi biển Thùy Vân, số chưa ghi nhận các năm lần lượt là 19.749.733.138 đồng và 29.377.818.928 và 37.850.128.324 đồng, tổng số chưa hạch toán là: 86.978.498.270 đồng.

Công ty chưa ghi nhận như trên với lý do: Chi cục thuế đang tính theo cùng một đơn giá cho thuê trên toàn bộ diện tích thuê 87.007 m² (54.171,1m² tại KDL Biển Đông, 32.835,9m² tại Công ty CPDL Nghinh Phong), mà không tính theo đơn giá riêng cho từng diện tích sử dụng (như diện tích xây dựng, diện tích sử dụng kinh doanh, diện tích khuôn viên, diện tích bãi cát,...) nên chi phí thuê đất tăng quá cao, không hợp lý với mô hình kinh doanh và giới hạn kinh doanh mà Nhà nước giao. Hiện nay, Công ty đang ghi nhận chi phí thuê đất của Khu vực bãi tắm Thùy Vân cho các năm 2018, 2019, 2020 căn cứ theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế trước đây cho diện tích sử dụng kinh doanh là 11.552,80m², đối với diện tích còn lại trên toàn bộ diện tích thuê (87.007,00m²) Công ty đã có nhiều văn bản kiến nghị với Chi cục thuế Thành Phố Vũng Tàu và các ban ngành liên quan về đơn giá thuê đất áp dụng phù hợp cho từng mục đích sử dụng đối với khu vực thuê đất tại Bãi tắm Thùy Vân.

- Theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 18/9/2018 và các quyết định số 172 và 173/QĐ-TTr ngày 5/10/2018 của Thanh tra tỉnh BR-VT về việc thu hồi tiền nộp vào NSNN; Công ty mẹ và Công ty CPDL Nghinh Phong có nghĩa vụ kê khai, nộp NSNN liên quan số tiền thuê đất tại Bãi biển Thùy Vân (diện tích 87.007 m² cho thời gian thuê từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2017 lần lượt là 107.498.702.141 đồng và 33.055.916.899 đồng; số tiền Công ty mẹ và Công ty con chưa hạch toán chi phí là 91.099.278.151 đồng và 28.397.591.059 đồng. Lý do Công ty chưa hạch toán: Đây là một khoản truy thu chi phí quá lớn nếu tính trên hết phần diện tích khuôn viên, bãi cát,... và thời gian truy thu từ cách đây quá lâu không phù hợp về chi phí, lợi nhuận, cổ tức mà trước đây Công ty đã hạch toán trên Báo cáo tài chính và đã chia cổ tức cho cổ đông nên Công ty vẫn chưa ghi nhận bổ sung số tiền này trên Báo cáo tài chính mà đã gửi các kiến nghị đến Cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về vấn đề này.

- Nghĩa vụ khác với Ngân sách Nhà nước: Theo Quyết định về việc thu hồi tiền nộp vào Ngân sách Nhà nước số 182/QĐ-TTr và số 177/QĐ-TTr ngày 5/10/2018 của Thanh tra tỉnh, Công ty mẹ và Công ty con – Công ty CPDL Nghinh Phong phải nộp tiền thuê hạ tầng cho NSNN đối với hạng mục san nền, kê đá, hạ tầng kỹ thuật khác do Ngân sách tỉnh đã đầu tư từ năm 1999 cho đến nay số tiền lần lượt là: 3.658.061.609 đồng và 3.582.625.227 đồng, Công ty chưa hạch toán chi phí và nghĩa vụ phải trả Nhà nước. Lý

do: từ khi nhận bàn giao sử dụng Bãi tắm Thùy Vân Công ty chưa nhận được hồ sơ về việc hạng mục hạ tầng này và khi Cổ phần hóa năm 2007 đã xác định phần vốn cổ phần.

Như vậy, số tiền thuê đất các năm 2018,2019,2020 và truy thu theo kết luận thanh tra chưa hạch toán tổng cộng là 206.475 triệu đồng, nếu tính cả truy thu cơ sở hạ tầng là: 213.715 triệu đồng. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 thì chỉ tiêu thuê và các khoản phải nộp NSNN sẽ tăng tương ứng và chỉ tiêu lợi nhuận sẽ giảm tương ứng, đồng thời vốn chủ sở hữu và nguồn vốn cũng giảm tương ứng đây là một bất lợi lớn đối với Công ty, do số phải hạch toán này cao hơn Vốn chủ sở hữu 14% nếu hạch toán thì Công ty bị âm vốn chủ sở hữu, không còn vốn để hoạt động, cần phải xin ý kiến ĐHĐCĐ.

1.1 Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/01/2020	So sánh	
			Tương đối	Tuyệt đối
I. Tổng tài sản	213.607.226.497	230.599.051.882	93%	(16.991.825.385)
1. Tài sản ngắn hạn	70.405.222.603	66.128.139.088	106%	4.277.083.515
- Tiền và các khoản tương đương tiền	21.709.010.385	18.960.253.708	114%	2.748.756.677
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.500.000.000	26.000.000.000	117%	4.500.000.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn	14.082.938.035	16.277.951.169	87%	(2.195.013.134)
- Hàng tồn kho	1.035.120.103	1.440.805.622	72%	(405.685.519)
- Tài sản ngắn hạn khác	3.078.154.080	3.449.128.589	89%	(370.974.509)
2. Tài sản dài hạn	143.202.003.894	164.470.912.794	87%	(21.268.908.900)
- Các khoản phải thu dài hạn	500.000.000	500.000.000	100%	-
- Tài sản cố định	82.276.240.154	91.698.254.252	90%	(9.422.014.098)
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	55.799.005.750	64.674.588.232	86%	(8.875.582.482)
- Tài sản dài hạn khác	4.626.757.990	7.598.070.310	61%	(2.971.312.320)
II. Tổng nguồn vốn	213.607.226.497	230.599.051.882	93%	(16.991.825.385)
1. Nợ phải trả	50.981.460.049	50.570.135.675	101%	411.324.374
- Nợ ngắn hạn	36.300.401.786	34.549.365.412	105%	1.751.036.374
- Nợ dài hạn	14.681.058.263	16.020.770.263	92%	(1.339.712.000)
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	162.625.766.448	180.028.916.207	90%	(17.403.149.759)
- Vốn chủ sở hữu	162.625.766.448	180.028.916.207	90%	(17.403.149.759)
- Nguồn kinh phí	-	-		-

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 31/12/2020 là: 213.607 triệu đồng, giảm 16.991 triệu đồng (7%) so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 4.277 triệu đồng (6%) so với cùng kỳ.

- Tài sản dài hạn giảm 21.268 triệu đồng (13%) so với cùng kỳ, cụ thể: Tài sản cố định giảm 9.422 triệu đồng khấu hao trong năm, đầu tư tài chính dài hạn giảm 8.875 triệu đồng (thoái vốn góp tại Công ty TNHH DL Nam Biển Đông 3.326 triệu đồng, giảm do các đơn vị LDLK hoạt động lỗ phải trích lập dự phòng bổ sung trong năm: 5.155 triệu đồng và giảm một số tài sản dài hạn khác), ngoài ra chi phí trả trước dài hạn giảm: 2.971 triệu đồng phân bổ vào chi phí trong năm 2020.

- Nợ phải trả ngắn hạn tăng 1.751 triệu đồng (5%) chủ yếu nợ tiền thuê 1.406 triệu đồng và 1 số khoản nợ khác.

- Nợ phải trả dài hạn giảm 1.339 (8%) là giảm tiền nhận ký quỹ, ký cược.

- Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 17.403 triệu đồng (10%), chủ yếu do trong năm hoạt động không hiệu quả, lỗ năm 2020: 17.244 triệu đồng.

Tỷ số khả năng thanh toán toán nợ đến 31/12/2020 (Tổng tài sản/Tổng nợ): 4,18

Tỷ số khả năng thanh toán hiện thời (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn): 1,94

Tỷ số khả năng thanh toán nhanh (Tiền + Đầu tư Tài chính ngắn hạn + Phải thu ngắn hạn)/ Nợ ngắn hạn): 1,83

Tỷ số khả năng thanh toán tức thời (Tiền/nợ ngắn hạn): 0,60

Trong năm 2020, khả năng thanh toán tức thời đảm bảo 60%, khả năng thanh toán nợ đều đảm bảo, tình hình tài chính của Công ty ổn định nếu chưa tính yếu tố tiền thuê đất, truy thu thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Bãi biển Thùy Vân.

Nếu tính yếu tố tiền thuê đất và truy thu cơ sở hạ tầng như đã nêu ở trên thì khả năng thanh toán của Công ty không còn đảm bảo, tình hình tài chính bất ổn.

1.2 Chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020:

Hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty CP Du lịch tỉnh BRVT với 02 Công ty con:

Công ty CP Du lịch Thùy Vân - chiếm 50,07% vốn điều lệ

Công ty CP Du lịch Nghinh Phong - chiếm 96, 18% vốn điều lệ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	So sánh	
			Số tương đối	Số tuyệt đối
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	80.222.998.158	137.734.691.404	58%	(57.511.693.246)
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	73.168.437.447	131.408.308.559	56%	(58.239.871.112)
Doanh thu từ hoạt động tài chính	7.238.929.760	6.387.510.927	113%	851.418.833
<i>Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>(433.579.637)</i>	<i>(133.329.162)</i>		<i>(300.250.475)</i>
Thu nhập khác	249.210.588	72.201.080	345%	177.009.508
2. Tổng chi phí	96.823.094.126	130.046.109.511	74%	(33.223.015.385)
Giá vốn hàng bán	41.834.048.578	66.662.579.409	63%	(24.828.530.831)
Chi phí tài chính	5.115.067.758	(5.449.741.140)	-94%	10.564.808.898
Chi phí bán hàng	19.833.369.815	29.454.938.487	67%	(9.621.568.672)

Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.821.229.295	38.829.437.295	77%	(9.008.208.000)
Chi phí khác	219.378.680	548.895.460	40%	(329.516.780)
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.600.095.968)	7.688.581.893	-216%	(24.288.677.861)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	165.143.081	4.219.927.783	4%	(4.054.784.702)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(16.765.239.049)	3.468.654.110	-483%	(20.233.893.159)
Lợi nhuận sau thuế của CĐ không kiểm soát	479.110.864	675.502.745	71%	196.391.881)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(17.244.349.913)	2.793.151.365	-617%	(20.037.501.278)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(925)	150	-617%	(1.075)

2. Nhận xét về tình hình hoạt động của Công ty:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty năm 2020 đạt: 80.222 triệu đồng, giảm 57.511 triệu đồng (52%) so với năm 2019 và đạt 52% kế hoạch (153.170 triệu đồng).

- Tổng chi phí toàn Công ty năm 2020 là: 96.823 triệu đồng giảm 33.223 triệu đồng (24%) so với năm 2019.

- Kết quả kinh doanh năm 2020: lợi nhuận sau thuế lỗ 16.765 triệu đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ lỗ : 17.244 triệu đồng.

Tình hình kinh doanh năm 2020 tại Công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19, lượt khách giảm sút nghiêm trọng, trong đó mất số lượng lớn khách nước ngoài do ngăn cách xã hội, tạm dừng nhập cảnh với người nước ngoài. Do đó, doanh thu giảm sút chỉ đạt 52% kế hoạch, mặc dù Công ty đã cắt giảm hầu hết các khoản chi phí, kể cả chi phí tiền lương cho người lao động nhưng doanh thu không đủ bù chi, ngoài ra nguồn vốn từ đầu tư ra ngoài doanh nghiệp năm 2020 không được chia do các công ty liên doanh, liên kết cũng bị ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19, nhiều đơn vị bị thua lỗ Công ty đã phải trích lập dự phòng tài chính cho các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp bổ sung cho năm 2020 là 5.115 triệu đồng, đã dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2020 bị lỗ nặng nề với lợi nhuận sau thuế công ty mẹ âm 17.244 triệu đồng.

3. Công tác nhân sự, tiền lương năm 2020:

Lao động đầu năm ngày 01/01/2020: 332 người

Lao động đến cuối năm ngày 31/12/2020: 264 người

Tổng quỹ lương năm 2020: 19.556 triệu đồng, giảm 8.631 triệu đồng so với năm 2019.

Tổng số lao động tại Công ty mẹ đến 31/12/2020: 264 người, lao động trong năm giảm 72 người tuyển mới 4 người.

Tổng quỹ lương năm 2020: 19.556 triệu đồng, giảm 8.631 triệu đồng so với năm 2019 do trong năm 2020 ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh covid Công ty đã điều chỉnh giảm tiền lương bằng cách giảm ngày làm việc, giảm biên chế nhân sự một số bộ phận.

4. Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2020: 162.625.766.448 đồng, Trong đó:

- Vốn góp chủ sở hữu:: 186.445.000.000 đồng.

STT	Cơ cấu vốn	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
1	Vốn Nhà nước	109.784.000.000	58,88%
2	Vốn các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12%

	Tổng cộng	186.445.000.000	100%
--	------------------	------------------------	-------------

- Quỹ đầu tư phát triển: 11.238.309.719 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: âm 44.333.459.259 đồng
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát: 9.275.915.988 đồng.

V. Một số kiến nghị khác của Ban kiểm soát:

- Theo Điều lệ Công ty thì số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người, đề nghị Hội đồng quản trị giới thiệu nhân sự bổ sung 02 thành viên HĐQT để Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

- Theo Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, hiện Công ty đang khuyết chức danh Tổng Giám đốc, đề nghị Ban điều hành Công ty sớm bổ sung nhân sự.

- Về tiền thuê đất năm 2018,2019,2020 theo Thông báo của Chi cục thuế Công ty vẫn chưa hạch toán đầy đủ và truy thu tiền thuê đất, truy thu tiền cơ sở hạ tầng theo các quyết định của thanh tra chưa hạch toán. Đề nghị Công ty hạch toán theo đúng quy định. Đồng thời, tiếp tục kiến nghị gửi UBND tỉnh, các Sở ban ngành xem xét tính tiền thuê đất phù hợp với từng loại diện tích sử dụng và khu vực.

- Theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công thì hiện nay Công ty có một số tài sản nằm trong đối tượng sắp xếp lại và có khả năng bị thu hồi do sử dụng không đúng mục đích Nhà nước giao. Đề nghị Ban điều hành Công ty tiếp tục làm việc, kiến nghị với UBND tỉnh và các Ban ngành chức năng lên phương án, triển khai đầu tư khai thác các cơ sở nhà, đất nhà nước giao đúng mục đích, tránh tổn thất về tài sản và đảm bảo hiệu quả cho Công ty.

- Đối với các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Du lịch Long Hải, Công ty CP Lạc Việt, Công ty CP Du Lịch An Hoa theo Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành. Ngoài ra, thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty con và các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp từ đó sớm có các giải pháp cụ thể, kịp thời đối những khoản đầu tư này. Hiện nay, có một số khoản vốn đầu tư không hiệu quả hoặc bị ngưng hoạt động, tiến độ triển khai dự án chậm như: Công ty TNHH DL Minh Đạm, Công ty CP giải trí Minh Đạm, Công ty Medicoast, Công ty điện thành Công, Công ty SES, Công ty cổ phần San Hồ Xanh Côn Đảo...cần chủ động liên hệ nắm bắt tình hình, tìm cách thu hồi vốn sớm.

- Đề nghị Công ty tiếp tục soát xét lại các khoản công nợ phải thu, phải trả dầy dụa, quá hạn để đưa ra những biện pháp thu hồi, đồng thời thanh toán các khoản nợ đến hạn tránh để quy chiếm dụng và lãi phạt quá hạn.

- Về nhân sự tiền lương: Trong năm 2020 do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 Công ty đã giảm tiền lương nhân viên một số tháng bằng cách đàm phán với người lao động giảm ngày công từ tháng 4/2021. Đề nghị Công ty rà soát bổ sung các thủ tục liên quan để đảm bảo đủ chứng từ ,cơ sở..

- Thường xuyên củng cố các Quy chế, quy trình quản lý và điều hành Công ty, đánh giá và hoàn thiện trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

- Về Quy chế trả lương thưởng: Công ty đã và đang xây dựng, bổ sung, sửa đổi Quy chế trả lương, thưởng phù hợp với mô hình tổ chức, năng lực quản lý tại các đơn vị trực thuộc, chi nhánh trong toàn Công ty từ năm 2019, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thiện và đưa vào áp dụng. Đề nghị Công ty tiếp tục hoàn thiện và triển khai.

- Về Quy chế quản lý tài chính của Công ty được xây dựng từ năm 2008, đến nay có một số nội dung không còn phù hợp với tình hình hiện tại, hoặc còn thiếu một số nội dung cần bổ sung. Công ty chưa quy định hạn mức tài chính được duyệt đối với từng cấp quản lý để chủ động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh. Đề nghị Ban điều hành Công ty xem xét, sửa đổi, bổ sung giúp quản lý chặt chẽ tình hình tài chính của Công ty.

VI. Kế hoạch, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021.

Năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho các cổ đông để kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty:

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông thường niên đề ra.

- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty ban hành.

- Kiểm tra việc thực hiện các văn bản, quy định của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông Công ty ban hành.

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty và Báo cáo, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên ĐHCĐ thường niên.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi có thông báo mời họp.

- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2021



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</i>	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</i>	6
<i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</i>	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
<i>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</i>	7
<i>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</i>	13
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
<i>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</i>	13
<i>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</i>	14
<i>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</i>	15
<i>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</i>	15
<i>Điều 10. Thu hồi cổ phần</i>	15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
<i>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</i>	16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
<i>Điều 12. Quyền của cổ đông</i>	16
<i>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</i>	18
<i>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</i>	19
<i>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</i>	21
<i>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</i>	23
<i>Điều 17. Thay đổi các quyền</i>	24
<i>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</i>	25
<i>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</i>	27
<i>Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i>	27
<i>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</i>	30

<i>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>31</i>
<i>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>33</i>
<i>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>34</i>
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
<i>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>35</i>
<i>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>36</i>
<i>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....</i>	<i>37</i>
<i>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>39</i>
<i>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....</i>	<i>40</i>
<i>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....</i>	<i>41</i>
<i>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....</i>	<i>43</i>
<i>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....</i>	<i>43</i>
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
<i>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....</i>	<i>44</i>
<i>Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp.....</i>	<i>44</i>
<i>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....</i>	<i>45</i>
<i>Điều 36. Thư ký Công ty.....</i>	<i>46</i>
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	46
<i>Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....</i>	<i>46</i>
<i>Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát.....</i>	<i>47</i>
<i>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....</i>	<i>47</i>
<i>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....</i>	<i>48</i>
<i>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....</i>	<i>49</i>
<i>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....</i>	<i>49</i>
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	50
<i>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....</i>	<i>50</i>
<i>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....</i>	<i>51</i>
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	52
<i>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....</i>	<i>52</i>
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	53

<i>Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....</i>	<i>53</i>
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	53
<i>Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....</i>	<i>53</i>
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	54
<i>Điều 48. Tài khoản ngân hàng</i>	<i>54</i>
<i>Điều 49. Năm tài chính.....</i>	<i>54</i>
<i>Điều 50. Chế độ kế toán</i>	<i>54</i>
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	55
<i>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....</i>	<i>55</i>
<i>Điều 52. Báo cáo thường niên.....</i>	<i>55</i>
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	55
<i>Điều 53. Kiểm toán.....</i>	<i>55</i>
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	56
<i>Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....</i>	<i>56</i>
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	56
<i>Điều 55. Giải thể Công ty.....</i>	<i>56</i>
<i>Điều 56. Gia hạn hoạt động</i>	<i>56</i>
<i>Điều 57. Thanh lý</i>	<i>57</i>
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	57
<i>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	<i>57</i>
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	58
<i>Điều 59. Điều lệ Công ty.....</i>	<i>58</i>
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	58
<i>Điều 60. Ngày hiệu lực</i>	<i>58</i>

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

i) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;

j) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;



l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

m) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RIJA – VŨNG TÀU**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **BA RIA – VUNG TAU TOURIST JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **VUNG TAU TOURIST**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.**

- Điện thoại: **(0254) 3856 445**

- Fax: **(0254) 3856 444**

- E-mail: info@vungtautourist.com.vn

- Website: www.vungtautourist.com.vn



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là **Chủ tịch Hội đồng quản trị**.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Mã ngành,	
-----------	--

nghề kinh doanh	
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo
9529	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết : Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cống rãnh,
6419	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Đại lý thu đổi ngoại tệ (Chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: - Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Du Lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu – Khu Du Lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. - Khách Sạn Vũng Tàu Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. - Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Du Lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu – Khách Sạn Sammy Đà Lạt, địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đã được Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đại lý đổi ngoại tệ)
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Chở khách du lịch bằng xe xích lô.
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuê hải quan;

7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ)
7912 (Chính)	Điều hành tua du lịch Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu,
9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ phòng hát karaoke, Kinh doanh vũ trường; dịch vụ bãi tắm, bãi biển,
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ,
4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước,
4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn(nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà);Mua bán đồ uống có cồn(rượu, bia),
7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí Chi tiết : Dịch vụ Bãi biển (đi du thuyền),
7310	Quảng cáo Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

9319	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Hoạt động thể thao dưới nước; đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết : Dịch vụ giặt là,
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết : Dịch vụ trang trí phong cảnh;
8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết : Dịch vụ chống mối mọt,
1811	In ấn Chi tiết : In lụa, in Offset, in khắc gỗ, in ống đồng.
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết : Mua bán vải, hàng may sẵn, Mua bán giày dép; rèm, màn, ga trải giường , đồ thêu dệt.
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao,
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng,
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết : Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ,
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắc quy),
9639	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu

	Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tám kính ảnh, máy quay camera cá nhân,
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải),
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng),
7729	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê áo cưới, phòng cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, trang điểm,
7420	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
3811	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết : Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt;
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
1709	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại khăn lạnh, khăn giấy;
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công

	trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết : Mua bán cá và thủy sản, Mua bán lương thực,
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây chì, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng,
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

4690

Bán buôn tổng hợp

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **186.445.000.000** đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **18.644.500** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3500101812** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày **05/01/2007**. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến

ngợi phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán

trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc

phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo

mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty **chậm nhất 03 ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các

biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Gia hạn hoạt động Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên Hội đồng quản trị công ty.

- Xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.

- Nếu nội dung trên được Hội đồng quản trị thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư

trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định

cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là

01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Tổng Giám đốc điều hành và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh

nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là **ba (03) người**. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn sau:

a) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ngoài các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc

một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua

Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm

đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin

khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Thành phố Vũng Tàu và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.



4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	7
Điều 2.	Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	8
Chương II	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT		
Mục 1	QUY ĐỊNH CHUNG	10
Điều 3.	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 4.	Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 5.	Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 6.	Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 7.	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 8.	Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 9.	Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 10.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 11.	Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 12.	Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 13.	Điều kiện để nghị quyết được thông qua	20
Điều 14.	Thông báo kết quả kiểm phiếu	21
Điều 15.	Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 16.	Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17.	Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Mục 2	QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP	23
Mục 2.1	QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP	23

Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp-----	23
Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp -----	24
Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp -----	25
Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp -----	26
Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp-----	27
Mục 2.2 QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TUYẾN -----	27
Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	28
Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	28
Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	29
Điều 26. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến-----	30
Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	30
Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến -----	30
Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	32
Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	32
Mục 2.3 QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỌP TRỰC TUYẾN -----	32
Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến -----	32
Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến -----	32
Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến-----	32
Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến ----	33
Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến -----	33
Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến-----	33

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản----- 33

Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản----- 34

Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản----- 34

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ----- 36

Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG ----- 36

Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT----- 36

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT----- 38

Mục 2 QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT ----- 38

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT ----- 39

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT ----- 39

Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị ----- 40

Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT----- 40

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ----- 41

Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ----- 4

Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị ----- 42

Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị ----- 43

Mục 3 THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ----- 44

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ----- 44

Mục 4 QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ----- 45

Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm ----- 45

Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường ----- 45

Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát -----	46
Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	47
Điều 55. Cách thức biểu quyết-----	47
Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị -----	49
Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị -----	4
Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	49
Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị -----	50
Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị-----	50
Mục 5 CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	50
Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	51
Mục 6 LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY-----	51
Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty-----	51
Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	51
Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	52
Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	52
Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty -----	52
Chương IV BAN KIỂM SOÁT -----	53
Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG-----	53
Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát -----	53
Mục 2 QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT -----	54
Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-----	54
Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát-----	55

Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát -----	56
Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	56
Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	57
Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát-----	5
Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát-----	58
Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC -----	58
Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc -----	58
Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc-----	59
Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc-----	60
Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	60
Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc-----	60
Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc -----	60
Chương VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----	61
Mục 1 QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC -----	61
Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc-----	61
Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	61
Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc-----	61
Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT-----	61
Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	63
Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	63

Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	64
Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên -----	65
Mục 2 QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC -----	67
Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác-----	68
Điều 90. Khen thưởng -----	68
Điều 91. Kỷ luật -----	69
Chương VII SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	69
Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty-----	69
Chương VIII SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	70
Điều 93. Ngày hiệu lực -----	70

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

2. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

3. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

4. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

5. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

6. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

7. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

8. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

9. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

10. *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên

11. *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

12. *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

13. *Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu* là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

14. *Công ty* là Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

15. *HĐQT* là Hội đồng quản trị

16. *Ứng cử* là tự đề cử

17. *BKS* là Ban kiểm soát

18. *VSD* là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

19. *Đại biểu* là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

20. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

21. *Đại hội trực tuyến* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

22. *Bỏ phiếu điện tử* là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế này.

23. *Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập* bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30)

ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

6. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm tối thiểu 01 người, bao gồm 01 Chủ tịch và các thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a. Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu

phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm tối thiểu 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và tối thiểu 01 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của VSD)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty chưa đăng ký chứng khoán tại VSD).

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường

hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử. Lưu ý, trong trường hợp mời họp Đại hội cổ đông bằng hình thức trực tuyến thì Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty **chậm nhất 03 ngày làm việc** trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp; Điều 16, Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

- a. Cuộc họp trực tiếp
- b. Hội nghị trực tuyến
- c. Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này).

Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 và Điều 167 Luật doanh nghiệp; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132, Điều 151 Luật doanh nghiệp)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng

tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Mục 2

QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

Mục 2.1

QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP

Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm

phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

⚡ Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Mục 2.2

QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TUYÊN

Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện

dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

- Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

- Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó,

Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 2.3

QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 23 Quy chế này.

Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 29 Quy chế này.

Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 30 Quy chế này.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c. Định hướng phát triển Công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tất cả trường hợp khi xét thấy cần thiết trừ việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế..
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 1,2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác

thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3

THÙ LAO, LƯƠNG THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên

Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 4

QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- e. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 55. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty;

c. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập

bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 58 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Mục 6

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên

quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh

doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc

một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp)

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điều i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp)

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 40 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
- f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 75 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 45 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT.

2. Các nội dung theo Điều 84 Quy chế này;

3. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

5. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

h. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải

được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f. Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 84 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 90. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 89 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 91. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương VIII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 93. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	14
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	14
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	19
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	20
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	20
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	22
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.....	23
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	23
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	24
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	24

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

f) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

g) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

h) *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin tại điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc..

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh

nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều 6 Quy chế này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của

mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban..

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong **thời hạn 07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty;

c) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên

Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội

đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ	3
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	6
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	8
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	9
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	11
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	12
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	13
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	13
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	13
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	14
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	16
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	16

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

h) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách

nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được

công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-BKS

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Tài liệu đính kèm).

(Công ty đề nghị Quý cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại tài liệu đính kèm nêu trên).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (tài liệu đính kèm).

(Công ty đề nghị Quý cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại tài liệu đính kèm nêu trên).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (tài liệu đính kèm).

(Công ty đề nghị Quý cổ đông đọc đầy đủ nội dung chi tiết dự Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại tài liệu đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2020 chi tiết đã được công bố thông tin và đã được đăng tải trên website của Công ty tại www.vungtautourist.com.vn bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020
	Báo cáo riêng	
I	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	210.036.674.863
1	Tài sản ngắn hạn	60.369.364.061
2	Tài sản dài hạn	149.667.310.802
II	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	210.036.674.863
1	Nợ phải trả	55.403.260.663
2	Vốn chủ sở hữu	154.633.414.200
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.364.665.003
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.443.848.592)
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.443.848.592)
	Báo cáo hợp nhất	
I	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	213.607.226.497
1	Tài sản ngắn hạn	70.405.222.603
2	Tài sản dài hạn	143.202.003.894

II	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	213.607.226.497
1	Nợ phải trả	50.981.460.049
2	Vốn chủ sở hữu	162.625.766.448
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.168.437.447
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.600.095.968)
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.765.239.049)

- Ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

- Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty mẹ chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân. Bên cạnh đó, Công ty mẹ cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018 là 12.069.442.486 VND, năm tài chính 2019 là 18.075.466.984 VND và năm tài chính 2020 là 23.360.965.630 VND.

- Theo Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thùy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà công ty con đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND. Bên cạnh đó, công ty con cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018 là 7.680.290.652 VND, năm tài chính 2019 là 11.302.351.944 VND và năm tài chính 2020 là 14.489.162.694 VND.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty mẹ và công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong vẫn chưa được Cơ quan có thẩm quyền của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký kết các hợp đồng thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng liên quan đến diện tích đất tại Khu vực bãi tắm Thùy Vân cũng như chưa nhận được các văn bản phản hồi có liên quan đến các kiến nghị của Công ty mẹ và công ty con từ các Cơ quan có thẩm quyền của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở xác định giá trị tiền thuê đất đã bị ghi thiếu từ các năm tài chính 2006 cho đến năm tài chính 2019, cũng như các điều chỉnh hồi tố liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước của Tập đoàn.

Báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 213.715.236.436 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ tăng và giảm tương ứng.

2. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do các công ty liên kết không cung cấp báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi không thu nhập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng cũng như các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

Từ chối đưa ra ý kiến:

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công Ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Căn cứ đơn ứng cử của ông....

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét bầu bổ sung thành viên HĐQT như sau:

Theo quy định tại Điều lệ Công ty thì số lượng thành viên HĐQT Công ty là 5 thành viên. Hiện tại, có 3 thành viên. Như vậy, cần phải bổ sung 2 thành viên.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại chỉ có 1 ứng cử viên là ông.... HĐQT xét thấy ông... đủ tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên HĐQT và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu ông ... là thành viên HĐQT thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2023.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân

Số : /TT-BKS

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
và soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 18/12/2020.

Ban kiểm soát Công ty xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, dựa trên các tiêu chí cụ thể như sau:

➤ Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021.

➤ Công ty kiểm toán độc lập có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính các đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo các quy định của các Chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.

➤ Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC).

➤ Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu yêu cầu.

2. Đối với việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2022 hoặc kiểm toán năm của các năm tiếp theo, khi Công ty chưa kịp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên để xin ý kiến của các cổ đông thì Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán của năm đó để kịp kiểm toán, công bố thông tin và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng,

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu thư ký HĐQT.

Nguyễn Thị Lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020

Kính gửi: ĐHCĐ Công Ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020 như sau:

Do lỗ lũy kế đến 31/12/2020 của Công ty là 44.333.459.259 đồng. Vì vậy, Công ty sẽ không thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;

Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Nội dung dự thảo Điều lệ được đính kèm trong bộ tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Điều lệ này có hiệu lực ngay tại thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát không chuyên trách thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Du lịch tỉnh BRVT.
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016;
- Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

- **Số lượng thành viên HĐQT năm 2020 :**
 - + Từ Tháng 1 đến hết tháng 8/2020 là 05 người (trong đó có 01 thành viên chuyên trách).
 - + Từ Tháng 09 đến tháng 12/2020 là 03 người (trong đó có 01 thành viên chuyên trách).
- **Thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký: 228 triệu đồng**

1. Thực hiện năm 2020:

TT	CHỨC DANH	Mức lương (thù lao) cho 1 người/tháng	Năm 2020 (đồng)
I	Hội đồng quản trị - Thành viên HĐQT + Từ Tháng 1 đến tháng 8/2020 là 04 người. + Từ Tháng 9 đến tháng 12/2020 là 02 người.	3.000.000	96.000.000 24.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát (01 người)	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát (02 người)	2.000.000	48.000.000
III	Thư ký Công ty (1 người)	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng (I + II + III)		228.000.000

2. Kế hoạch năm 2021:

- Số lượng thành viên HĐQT năm 2021 : là 05 người (trong đó có 01 thành viên chuyên trách)
- Thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký: 252 triệu đồng

TT	CHỨC DANH	Mức lương (thù lao) cho 1 người/ tháng	Năm 2020 (đồng)
I	Hội đồng quản trị - Thành viên HĐQT : 04 người	3.000.000	144.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Trưởng Ban kiểm soát (01 người)	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát (02 người)	2.000.000	48.000.000
III	Thư ký Công ty (1 người)	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng (I + II + III)		252.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu - P. Thắng Tam - Tp. Vũng Tàu - T. Bà Rịa Vũng Tàu

ĐT: (0254) 385 6445 Fax: (0254) 385 6444 Website: www.vungtautourist.com.vn

Số: /TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thực hiện sắp xếp cơ sở nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (đợt 1).

Cụ thể như sau:

Cho phép giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 03 cơ sở nhà, đất:

1. Cơ sở nhà, đất số: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu: Công ty đang trực tiếp kinh doanh Khách sạn Sammy Vũng Tàu.
2. Cơ sở nhà, đất số: 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu: trụ sở Văn phòng Công ty.
3. Cơ sở nhà đất số: 127 Hoàng Hoa Thám, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu: Công ty giao cho KDL Biển Đông kinh doanh nhà hàng (đang tạm ngưng hoạt động).

Thu hồi 03 cơ sở nhà, đất:

1. Cơ sở nhà, đất số: 608 Trần Phú, phường 6, Tp. Vũng Tàu: chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Cơ sở nhà, đất số: 1336 đường 30/4, phường 12, Tp Vũng Tàu: chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hai cơ sở nhà, đất Nhà nước thu hồi đang trong diện quy hoạch.

3. Kios chợ cũ Vũng Tàu, phường 1, Tp Vũng Tàu.

Ngoài ra, 9 lô đất khác của Công ty đang được Sở tài chính trình UBND tỉnh phương án sắp xếp tiếp theo.

Nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty, HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét, giao HĐQT **kiến nghị các cấp có thẩm quyền việc thực hiện sắp xếp cơ sở nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, chủ**

động xây dựng phương án đầu tư, khai thác kinh doanh đối với các lô đất trên nếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho Công ty tạm thời giữ lại.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Thái Hoàng Thân